

Mẫu CBTT/SGDHCM-06

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24/07/2013 của TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

**CTY CP VẬN TẢI VÀ
XÉP DỠ HẢI AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

====**==

====**==

Số: 1103-2017/CBTT-HATS

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An
Mã chứng khoán HAH
Địa chỉ trụ sở chính Tầng 7, số 45, Phố Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại 043.9877515
Fax 043.9444022
Người thực hiện công bố thông tin Phạm Thị Hồng Nhung
Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Hải An, km2 đường Đình Vũ, P.Đông Hải, Q.Hải An, TP.Hải Phòng
Số điện thoại công ty 031.3979721
Fax 031.3979718
Loại thông tin công bố 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

"Báo cáo thường niên năm 2016" của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 16/3/2017 tại đường dẫn www.haiants.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2016

Người được ủy quyền công bố thông tin



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Phạm Thị Hồng Nhung



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Tháng 3/2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN
Năm báo cáo: 2016

I. Thông tin chung**1. Thông tin khái quát**

- Tên công ty : Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An
- Giấy chứng nhận đăng ký DN số : 0103818809 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Hà Nội cấp ngày 08 tháng 05 năm 2009 thay đổi lần thứ 8 ngày 05 tháng 12 năm 2014.
- Vốn điều lệ : 231.962.320.000 đồng
(Bằng chữ: Hai trăm ba mươi một tỷ, chín trăm sáu mươi hai triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 231.962.320.000 đồng
- Địa chỉ trụ sở chính : tầng 7, số 45, phố Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Điện thoại: (84-4) 3987 7515 : Fax: (84-4) 3974 4022
- Website : www.haiants.vn
- Mã chứng khoán : HAH

2. Quá trình hình thành và phát triển**Năm 2009**

- Công ty cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tiền thân là Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An được thành lập ngày 08/05/2009 theo Giấy ĐKKD lần đầu và mã số thuế 0103818809 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp với mức VDL 150.000.000.000 đồng. Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An được hình thành trên cơ sở góp vốn của bốn đơn vị bao gồm Công ty cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải, Công ty cổ phần Hàng hải Hà Nội (tên gọi cũ là Công ty cổ phần MHC), Công ty cổ phần Đóng mới và sửa chữa tàu Hải An (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Đóng tàu Hải An) và Công ty cổ phần Hải Minh.
- Tháng 05/2009, Công ty xây dựng bến container đầu tiên.

Năm 2010

- Tháng 08/2010, Công ty thực hiện lắp đặt cần cầu chuyên dụng 45 tấn đầu tiên tại cầu tàu.
- Tháng 10/2010, thành lập công ty con 100% vốn – Công ty TNHH Cảng Hải An (HAP) có GCN ĐKKD và mã số thuế 0201126468
- Sau 20 tháng triển khai xây dựng, Cảng Hải An hoàn thành giai đoạn 1.

- Ngày 15/12/2010, Lễ khánh thành cảng container Hải An được tổ chức và tàu container “MV Mell Senang” với trọng tải 700TEU của hãng Mariana Express Lines Pte cập bến.
- Ngày 07/10/2010 Công ty thực hiện tăng VDL lên 187,5 tỷ đồng theo GCN ĐKKD thay đổi lần 5, với sự góp vốn thêm từ 3 công ty: Công ty cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà, Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng Hải (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Hàng hải MACS) và Công ty cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại Thương-TP Hồ Chí Minh (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Transimex-Saigon).

Năm 2011

- Ngày 06/02/2011, tàu “MV Ice Moon” trọng tải 700TEU cập bến.
- Ngày 06/07/2011, tàu “MV Paphos” trọng tải 700TEU của hãng Yangming Marine Transport (YML) cập bến.
- Ngày 05/11/2011, tàu container “MV Vinalines Pioneer” của hãng K-line trọng tải 560TEU cập bến.
- Ngày 19/09/2011, Công ty chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An theo GCN ĐKKD lần thứ 6 với 7 cổ đông sáng lập là: Công ty cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải, Công ty cổ phần Hàng hải Hà Nội (tên gọi cũ là Công ty cổ phần MHC), Công ty cổ phần Đóng mới và sửa chữa tàu Hải An (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Đóng tàu Hải An), Công ty cổ phần Hải Minh, Công ty cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà, Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng Hải (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Hàng hải MACS) và Công ty cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại Thương-TP Hồ Chí Minh (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Transimex-Saigon).

Năm 2012

- Ngày 01/03/2012, công ty con của Công ty là Công ty TNHH Cảng Hải An góp 50% vốn thành lập Công ty TNHH Đại lý và tiếp vận Hải An (HAAL) với GCN ĐKKD và mã số thuế số 0201244461.
- Ngày 13/04/2012, Công ty nhận sáp nhập Công ty cổ phần Đóng tàu Hải An và tăng VDL lên 231,96 tỷ đồng theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 7.
- Ngày 28/04/2012, tàu “MV Pacific Grace” của hãng Pendulum Express Lines Pte trọng tải 836TEU cập bến.
- Ngày 14/08/2012, công ty con của Công ty là Công ty TNHH Cảng Hải An góp 20% vốn thành lập Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải (HAS) sau được đổi tên thành Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Hải An (HAGS) với Giấy CN ĐKKD và mã số thuế 0201275526.

Năm 2013

- Ngày 05/01/2013, tàu container “MV Methi Bhum” của hãng Regional Container Lines (RCL) trọng tải 1000TEU cập bến.
- Tháng 04/2013, Công ty nhận chứng nhận ISO 9001 – 2008.
- Ngày 04/07/2013, tàu “MV YM Inventive” trọng tải 1.805TEU là tàu container lớn nhất có chiều dài 172,5m cập bến làm hàng tại cảng Hải An.
- Ngày 01/09/2013, Công ty bắt đầu cung cấp dịch vụ vận tải container nội địa tuyến Hải Phòng – Hồ Chí Minh – Hải Phòng

Năm 2014

- Tháng 01/2014, tàu Leadtop trọng tải 600TEU (chở container lạnh) cập bến.
- Tháng 04/2014, tàu của các hãng liên kết OEL/YML trọng tải 1000TEU cập bến.
- Ngày 19/03/2014, Công ty kí thỏa thuận mua tàu container đầu tiên. Ngày 08/05/2014, tiếp nhận tàu MV “Haian Park” tại Thượng Hải và tổ chức “Lễ bàn giao tàu” tại Hamburg. Ngày 16/05/2014, tàu MV “Haian Park” chính thức tham gia vào tuyến vận tải container nội địa.
- Ngày 11/06/2014, Công ty tổ chức Lễ tiếp nhận tàu và công bố tuyến vận chuyển container nội địa với lịch tàu 03 chuyến/tuần.
- Ngày 25/07/2014, Công ty nộp hồ sơ đăng ký công ty đại chúng và được Ủy ban chấp thuận thành công ty đại chúng theo Công văn số 4886/UBCK-QLPH ngày 29/08/2014.
- Ngày 20/10/2014, Công ty tiếp nhận tàu container thứ hai MV “Haian Song” trọng tải 1.121TEU tại Singapore và đưa tàu vào hoạt động trên tuyến Hồ Chí Minh/Hải Phòng từ cuối tháng 10/2014.
- Ngày 22/12/2014, Công ty thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh tại địa chỉ 217 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2015

- Ngày 21/01/2015, Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 15/QĐ-SGDHCM.
- Ngày 11/03/2015, cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh.
 - + Loại chứng khoán: Phổ thông
 - + Mã chứng khoán: HAH
 - + Mệnh giá: 10.000 đồng/CP
 - + Số lượng chứng khoán niêm yết hiện tại: 23.196.232 CP

- Tháng 9/2015, Công ty đã tiếp tục đầu tư tàu container thứ ba, tàu mang tên là “HAIAN TIME” và được Công ty tổ chức tiếp nhận tại THAILAND ngày 29 tháng 09 năm 2015. Đây là tàu chuyên dụng chở container được đóng tại Nhật năm 2001, đăng kiểm NK, sức chở 1.032 Teus, trọng tải 18.055 DWT với mớn 9,050m, tốc độ tối đa 21 hải lý/giờ. Tàu đã được đưa vào khai thác chuyến đầu tiên trên tuyến Hồ Chí Minh - Hải Phòng vào ngày 05/10/2015.
- Tháng 11/2015, thành lập công ty con 50,5% vốn - Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (HACT), có GCN ĐKKD và mã số thuế 0201655535.

Năm 2016

- Ngày 10/3 2016, Công ty cổ phần Vận tải và xếp dỡ Hải An tổ chức “Lễ kỷ niệm một năm ngày niêm yết cổ phiếu HAH tại HOSE và khai trương tuyến Liner vào cảng Cái Mép”.
- Ngày 22 tháng 05 năm 2016, Công ty cổ phần Vận tải và xếp dỡ Hải An khai trương Chi Nhánh “Hải An Vũng Tàu” tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính

- + Xây dựng và cung cấp các dịch vụ cảng biển: Bốc xếp, lưu giữ hàng hóa,
- + Vận tải hàng hóa bằng đường biển
- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Kinh doanh vận tải đa phương thức.
- + Dịch vụ logistics

- **Địa bàn kinh doanh:** Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị của công ty: Đại hội đồng cổ đông; Ban Kiểm soát; Hội đồng Quản trị; Tổng Giám đốc

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung sửa đổi Điều lệ Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT, Ban Kiểm soát, và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHCĐ bầu ra gồm 7 thành viên, các thành viên HĐQT nhóm họp và bầu Chủ tịch HĐQT. Hội đồng quản

trì nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty theo quy định trong Điều lệ Công ty.

HĐQT có trách nhiệm bổ nhiệm, giao nhiệm vụ, giám sát Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. HĐQT của Công ty bao gồm các thành viên sau:

Ông Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Ủy viên, Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Tạ Mạnh Cường	Ủy viên HĐQT - Tổng giám đốc
Ông Vũ Thanh Hải	Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Duy Hiệp	Ủy viên HĐQT
Ông Phùng Văn Quang	Ủy viên HĐQT - độc lập

- **Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông theo quy định trong Điều lệ của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra và bãi miễn. Ban kiểm soát của Công ty bao gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Trưởng ban
Ông Đỗ Thành Đĩnh	Thành viên
Ông Phùng Đình Phúc	Thành viên

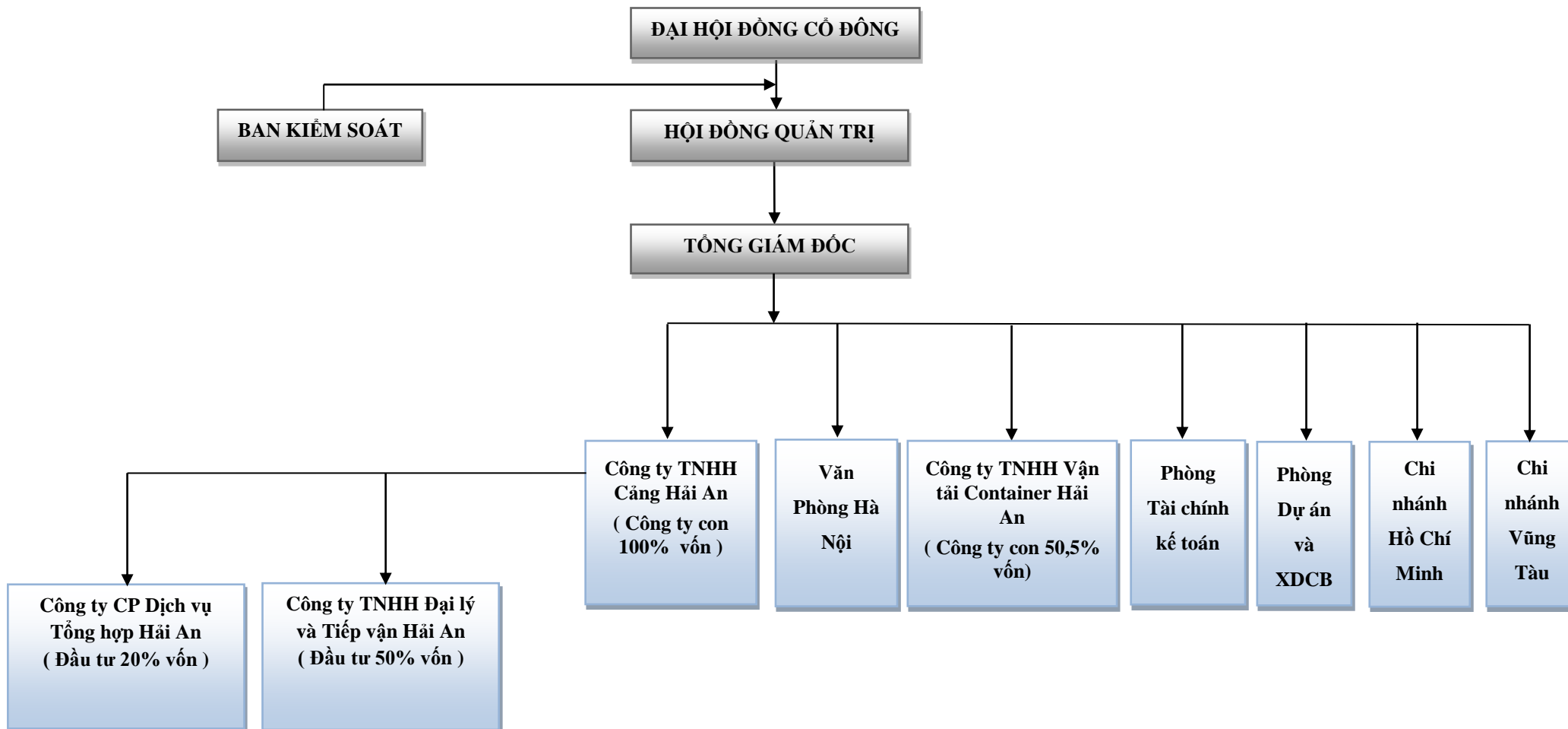
- **Ban Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban TGD Công ty bao gồm:

Ông Tạ Mạnh Cường	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Kế toán trưởng

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



- Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Công ty	Quan hệ	Vốn điều lệ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2015	Trụ sở
1	Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con	30.000.000.000 đồng	Khai thác cảng, cung cấp dịch vụ bốc xếp, giao nhận, kho bãi, vận chuyển đường bộ ...	100%	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam
2	Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của công ty con	25.000.000.000 đồng	- Tổ chức vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, đại lý vận tải đường biển, logistics. - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa và các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải....	50%	Tầng 2, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam
3	Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (HAGS)	Công ty liên kết của công ty con	5.000.000.000 đồng	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa...	20%	Tầng 3, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam
4	Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty con	200.000.000.000 đồng	- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa...	50,5%	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

5. Định hướng phát triển

Trong vòng 5 năm tới, Công ty định hướng tập trung duy trì chất lượng dịch vụ cảng biển trên cơ sở hạ tầng hiện có và mở rộng năng lực cho các dịch vụ phụ trợ thông qua việc đầu tư xây dựng thêm bến sà lan, hoàn thiện mặt bằng cho cảng và đầu tư dự án xây dựng khu hậu cần cảng biển Cát Hải. Đối với hoạt động vận tải nội địa, Công ty khai thác tối đa năng lực vận tải của 3 tàu container đã đầu tư trong các năm 2014, 2015 trên tuyến vận tải nội địa Hải Phòng - Hồ Chí Minh - Hải Phòng và tuyến Đông Bắc Á Haiphong – Yantain – Kongkong – Haiphong, nghiên cứu để phát triển các tuyến mới đi Đông Nam Á khi có đủ điều kiện.

Hải Phòng là khu vực cảng năng động của hệ thống cảng Việt Nam. Trong vòng 5 năm tính từ năm 2005, tỷ lệ tăng trưởng bình quân của cảng Hải Phòng (tính theo sản lượng hàng hóa thông qua hệ thống cảng) năm sau so với năm trước là 27,7%/năm, so với mức tăng trưởng trung bình của ngành là 20%. Do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới và trong nước, tốc độ này suy giảm nhưng đã có nhiều dấu hiệu hồi phục tích cực từ năm 2013. Cụ thể, tổng sản lượng hàng hóa thông qua khu vực Hải Phòng đạt 3.470.142 TEU năm 2014, tăng 11,3% so với năm 2013. Dựa trên nhu cầu và tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu trong thời gian tới, triển vọng phát triển của ngành cảng được đánh giá còn nhiều tiềm năng, dự kiến sẽ nâng năng lực bốc xếp lên gấp đôi vào năm 2015 và gấp năm lần vào năm 2020 lên mức 900-1.100 triệu tấn/năm.

Với đặc điểm địa lý có đường bờ biển trải dài từ Bắc vào Nam tạo thành thế mạnh của vận tải đường thủy, khả năng lưu thông hàng hóa trên trục đường vận tải ven biển Việt Nam là rất lớn. Đây chính là cơ hội cho Hải An phát triển mạng vận tải thủy khi từ đầu tháng 7 năm 2014, Bộ Giao thông Vận tải chính thức siết việc kiểm tra xe quá tải theo Đề án Tổng thể kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ theo Quyết định số 1526/QĐ-BGTVT ngày 05/06/2013.

Trên cơ sở những phân tích và nhận định trên đây, định hướng và chiến lược kinh doanh của Công ty là hoàn toàn phù hợp với chiến lược phát triển chung của ngành cảng biển - vận tải, với chính sách của Nhà nước và xu thế chung của ngành cảng biển - vận tải - logistic trên thế giới.

6. Các nhân tố rủi ro

6.1 Rủi ro về kinh tế

a) Tăng trưởng kinh tế

Năm năm sau cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008 diễn ra, tình hình kinh tế thế giới giai đoạn 2012 – 2014 đã có biến chuyển mang chiều hướng tích cực hơn so với giai đoạn trước, góp phần tạo lập nền tảng tốt cho sự phục hồi và ổn định trở lại trong năm 2015, 2016. Các động thái phát triển của thế giới đã cho thấy sự ổn định, cho dù chưa thực sự vững chắc đặc biệt là tại các quốc gia tâm điểm của khủng hoảng nợ công như Hy Lạp, Tây Ban Nha và Ireland hay tại các đầu tàu kinh tế Nhật Bản, Pháp, Đức...

Theo dự báo của Trung tâm thông tin và dự báo kinh tế xã hội quốc gia (NCSIEF) dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới nói chung và một số khu vực sẽ phục hồi nhanh chóng trong vòng 5 năm tới.

Nền kinh tế duy trì đà phục hồi tốc độ trên 6.5%. GDP lập đáy với mức tăng bình quân 5.88% giai đoạn 2011-2015, hồi phục từ 2005 và duy trì đà tăng khoảng 6.2% trong năm 2016. Bình quân giai đoạn 2016 - 2020 dự kiến tăng trưởng từ 6.5% đến 7%. Thu nhập bình quân đầu người năm 2015 là 2.228 USD và dự kiến tăng lên mức 3.200 - 3.500 USD vào năm 2020.

Là một Công ty hoạt động trong ngành dịch vụ cảng biển và vận tải hàng hóa, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp bởi tình hình sản xuất công nghiệp và thương mại trong nước và quốc tế. Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế là một chỉ báo quan trọng không những phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà còn là công cụ quan trọng để Công ty dự báo các chiến lược phát triển trung và dài hạn.

b) Lạm phát

Lạm phát ở Việt Nam trong những năm gần đây có diễn biến phức tạp và biến động với biên độ khá lớn tạo ra những biến động bất thường về giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Giai đoạn năm 2012 - 2016, Chính phủ đã thực hiện nhiều giải pháp tích cực để kiềm chế lạm phát, ngoài ra giá xăng dầu quốc tế giảm sâu và nguồn cung hàng hóa nội địa dồi dào nên chỉ số giá tiêu dùng giảm dần theo từng năm, cụ thể ở mức 6,81% năm 2012, 6,04% năm 2013, 1,84% năm 2014 và chỉ 0,6% năm 2015.

Tương tự như năm liền trước, với việc cầu tiêu dùng nội địa chỉ phục hồi ở mức vừa phải như ở trên, diễn biến của CPI trong năm 2016 tiếp tục cho thấy sự phụ thuộc rất lớn vào việc tăng giá của các mặt hàng thiết yếu, đặc biệt là các mặt hàng dưới sự điều tiết của Chính phủ như Y tế và Giáo dục. Trong nửa đầu năm, ngoài trừ CPI (theo tháng) của tháng 1 không biến động do được hỗ trợ từ việc giá xăng dầu giảm, CPI của năm tháng tiếp theo đều ghi nhận mức tăng khá qua từng tháng do hiệu ứng nhu cầu tiêu dùng tăng cao theo mùa vụ vào dịp Tết và việc điều chỉnh tăng trở lại của giá xăng dầu, Dịch vụ y tế và Giáo dục. Bên cạnh đó, khác biệt với năm 2015, CPI trong khoảng thời gian này còn chịu áp lực từ việc giá lương thực thực phẩm tăng đáng kể do nguồn cung bị ảnh hưởng xấu trước những biến biến không thuận lợi của thời tiết, đặc biệt là hạn hán ở các tỉnh phía Nam. Trong nửa cuối năm 2016, CPI ghi nhận mức tăng khá mạnh trong 4 tháng cuối năm khi giai đoạn này có khá nhiều yếu tố tạo sức ép lớn lên lạm phát như (1) tăng học phí trước thềm năm học mới; (2) giá Dịch vụ y tế tiếp tục tăng mạnh theo lộ trình và (3) giá xăng dầu tăng đáng kể cùng xu hướng phục hồi của giá dầu thô thế giới. Mặc dù vậy, Chính phủ vẫn cho thấy khả năng kiểm soát và đảm bảo mục tiêu lạm phát cả năm dưới 5%, đặc biệt là với quyết định sẽ không tiếp tục tăng giá Dịch vụ y tế từ cuối tháng 10/2016, từ đó giảm bớt đáng kể lên lạm phát toàn phần trong hai tháng còn lại của năm. Tỷ lệ lạm phát cả

năm 2017 dự báo vào khoảng 4% - 4,5%.

Đối với doanh nghiệp dịch vụ cảng và vận tải như Hải An, chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua chi phí đầu vào, đặc biệt là giá xăng dầu và giá nhân công. Bên cạnh đó, tình hình lạm phát cũng ảnh hưởng đến khối doanh nghiệp sản xuất hàng xuất nhập khẩu - những khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty. Để giảm thiểu ảnh hưởng của lạm phát đến hoạt động, Công ty luôn chủ động tăng cường các hoạt động kiểm soát định mức chi phí và quản lý biến động giá cả đầu vào.

c) Lãi suất

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tùy vào đặc điểm kinh doanh của mình, mỗi doanh nghiệp có cơ cấu vốn khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp sử dụng nguồn vay lớn từ các ngân hàng thương mại nên việc biến động lãi suất ngân hàng sẽ gây nên những rủi ro nhất định cho doanh nghiệp.

Trong năm 2016, mặt bằng lãi suất huy động tăng nhẹ so với năm 2015 khoảng vài chục điểm cơ bản tùy từng kỳ hạn từ ngắn đến trung và dài hạn, trong đó có hai đợt điều chỉnh tương đối rõ vào Quý 1 và cuối Quý 4. Đến cuối năm 2016, lãi suất huy động các kỳ hạn ngắn dưới 6 tháng phổ biến trong khoảng 4,3% - 5,5%/năm, từ 6 tháng đến dưới 12 tháng trong khoảng 5,3% - 7%/năm, từ 12 tháng trở lên trong khoảng 6,5% - 8%/năm. Mặc dù lãi suất huy động tăng nhẹ nhưng lãi suất cho vay trong năm 2016 khá ổn định và ít biến động. Theo NHNN, mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6%-7%/năm đối với ngắn hạn và 9%-10%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3% - 11%/năm đối với trung và dài hạn. Đối với nhóm khách hàng tốt, tình hình tài chính lành mạnh, minh bạch, lãi suất cho vay từ 4%-5%/năm.

d) Tỷ giá hối đoái

Rủi ro biến động tỷ giá là rủi ro ảnh hưởng trực tiếp tới các doanh nghiệp có các hoạt động kinh doanh liên quan đến xuất nhập khẩu hay các giao dịch ngoại tệ.

Mặc dù có những biến động nhất định vào từng thời điểm nhưng nhìn chung, năm 2016 được ghi nhận là một năm khá ổn định của tỷ giá và thị trường ngoại hối. Cụ thể, trong khoảng 9 tháng đầu năm, tỷ giá bán tại nhiều NHTM ít biến động và phổ biến vào khoảng 22.330 - 22.350 VND/USD. Bước sang Quý 4, đặc biệt từ đầu tháng 11, với áp lực từ (1) kết quả bất ngờ của cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ với phần thắng thuộc về ứng cử viên Đảng Cộng hòa Donald Trump; (2) FED tăng lãi suất trong tháng 12 đi kèm định hướng lộ trình tăng lãi suất mạnh hơn kỳ vọng trong năm 2017; (3) đồng USD tăng giá đáng kể trên thị trường thế giới và (4) yếu tố mùa vụ về cuối năm đáp ứng các nhu cầu thanh toán, tỷ giá tại hệ thống NHTM liên tục được điều chỉnh tăng, đến cuối tháng 12 phổ biến trong khoảng 22.790 - 22.800 VND/USD, tăng khoảng 1,1% so với thời điểm cuối năm 2015.

Đứng từ góc độ cơ quan quản lý, từ đầu năm 2016, NHNN đã chính thức áp dụng cơ chế điều hành mới với tỷ giá trung tâm hàng ngày được xác định dựa trên cơ sở tham chiếu (i) diễn biến tỷ giá bình quân gia quyền thị trường liên ngân hàng; (ii) diễn biến tỷ giá trên thị trường quốc tế của một số đồng tiền các nước có quan hệ thương mại, vay, trả nợ, đầu tư lớn với Việt Nam và (iii) các cân đối kinh tế vĩ mô, tiền tệ, mục tiêu chính sách tiền tệ. Như vậy, thay vì đưa ra cam kết rõ ràng về việc giữ ổn định tỷ giá như các năm trước, cơ chế điều hành tỷ giá mới theo hướng linh hoạt đã được áp dụng. Theo đó, trước khi có diễn biến nóng lên của tỷ giá trong hệ thống NHTM, kể từ giữa tháng 8, tỷ giá tham chiếu trung tâm liên tục được NHNN điều chỉnh tăng dần, đến cuối tháng 12 được niêm yết ở mức 22.155 VND/USD, tăng khoảng 1,2% so với cuối năm 2015. Diễn biến này có thể được nhìn nhận như việc điều chỉnh có tính linh hoạt từ phía cơ quan điều hành để định hướng và đón đầu thị trường trước những áp lực khá lớn lên tỷ giá và thị trường ngoại hối dự kiến sẽ xảy ra vào dịp cuối năm như kể trên.

Tuy nhiên do đặc thù của công ty, nguồn nguyên vật liệu có sẵn trong nước mà không phải nhập khẩu nên tác động của biến động tỷ giá lên nguồn nguyên liệu đầu vào là không có. Mặc dù vậy, Công ty hiện đang vay ngoại tệ để đầu tư mua sắm tài sản cố định.

6.2 Rủi ro về pháp luật

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của công ty.

Hoạt động dưới sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chưa chặt chẽ và còn nhiều quy định chông chéo. Bất kỳ điều chỉnh nào trong những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả kinh doanh của công ty. Để giảm thiểu rủi ro về luật pháp, Công ty luôn duy trì việc cập nhật các quy định pháp luật mới đối với toàn bộ công nhân viên, đồng thời sẽ tham khảo thêm với các tổ chức tư vấn luật pháp khi cần thiết.

6.3 Rủi ro đặc thù ngành

a) Rủi ro chính sách

Hoạt động kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng trực tiếp bởi chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu biên mậu giữa Việt Nam và các nước khác bao gồm chính sách thuế, phí và chính sách kiểm dịch, an toàn vệ sinh và kiểm tra các tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, chính sách quản lý đặc thù đối với mỗi loại hàng hóa trong từng thời kỳ... Số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan cho thấy năm 2016, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của cả nước đạt hơn 350,74 tỷ USD, tăng 7,1%, tương ứng tăng gần 23,16 tỷ USD so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, xuất khẩu đạt hơn 176,63

tỷ USD, tăng 9%, tương ứng tăng gần 14,62 tỷ USD; nhập khẩu đạt hơn 174,11 tỷ USD, tăng 5,2%, tương ứng tăng hơn 8,54 tỷ USD. Cán cân thương mại hàng hóa cả nước tháng 12/2016 thâm hụt 494 triệu USD, đưa mức thặng dư thương mại của cả năm 2016 còn hơn 2,52 tỷ USD.

Trong thời gian qua, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng lớn của chính sách biên mậu với Trung Quốc, là thị trường xuất nhập khẩu chủ chốt của Việt Nam. Việc nới lỏng hoặc thắt chặt chính sách kiểm soát hoạt động tạm nhập tái xuất của Chính phủ Việt Nam hoặc chính phủ Trung Quốc trong mỗi giai đoạn ảnh hưởng không nhỏ đến lượng hàng thông quan qua cảng và doanh thu từ dịch vụ container lạnh. Ban lãnh đạo Công ty luôn theo sát và cập nhật các thông tin chính sách mới để có thể ứng phó trong mọi tình huống.

b) Rủi ro giá nhiên liệu

Do hoạt động ngành giao thông vận tải và giao nhận hàng hóa nên hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng bởi tăng giảm giá nhiên liệu. Tuy nhiên do xăng dầu phụ thuộc hoàn toàn vào tình hình thế giới, Công ty chỉ có thể điều chỉnh giá dịch vụ một cách tương ứng và phù hợp với thị trường.

c) Rủi ro cạnh tranh

Ngày 14/04/2013, dự án xây dựng cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng - Lạch Huyện chính thức được khởi công xây dựng. Đây là dự án nằm trong danh mục các dự án kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng, thiết yếu giai đoạn đến năm 2020, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 11/4/2007. Với mục tiêu phát triển cảng Hải Phòng tại khu bến Lạch Huyện để có thể tiếp nhận cỡ tàu tới 100.000 DWT (tàu container 8.000TEU), dự án dự kiến sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2017 - 2018. Sau khi cảng Lạch Huyện được đưa vào khai thác sẽ tạo ra sức ép cạnh tranh đối với hệ thống các cảng khu vực Đình Vũ, Bạch Đằng, Sông Cấm, Sông Tranh nói chung và đối với cảng Hải An nói riêng.

Ngoài ra Công ty đang phải đối mặt với tình trạng cạnh tranh về giá giữa các cảng trong khu vực Hải Phòng. Các doanh nghiệp cùng ngành sẵn sàng giảm 50% giá hoặc chấp nhận lỗ để thu hút khách hàng.

Đây chính là những thách thức lớn và rủi ro trong cạnh tranh đối với cảng Hải An trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên Ban lãnh đạo doanh nghiệp đã thấy rõ các thách thức này và đã chủ động đầu tư 03 tàu container và tổ chức tuyến vận tải container nội địa từ cuối năm 2013 nhằm đảm bảo công việc cho cảng Hải An. Với việc phát triển tuyến vận chuyển container nội địa và hợp tác với các hãng vận tải container nước ngoài duy trì các tuyến vận chuyển container ngắn (Feeder) nhằm đảm bảo “đầu vào” cho cảng, chắc chắn hiệu quả kinh doanh của Cảng Hải An và của toàn Công ty sẽ được đảm bảo.

6.4 Rủi ro khác

Theo quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hải Phòng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1448/QĐ-TTg ngày 16/9/2009, Thành phố đã có quy hoạch cầu qua sông Bạch Đằng và quy hoạch đường vành đai 3 của thành phố với cầu vượt sông Cấm nối khu công nghiệp VSIP Hải Phòng với cảng Lạch Huyện. Quy hoạch này khiến cho kế hoạch mở rộng cầu cảng của Công ty gặp khó khăn. Mặc dù Công ty đánh giá để các quy hoạch này được triển khai và đi vào thực tế cũng mất đến 5 – 7 năm nhưng quy hoạch này là một rủi ro cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Chính vì thế, hiện nay Công ty đã tạm dừng kế hoạch mở rộng cầu cảng để chờ ý kiến tiếp theo từ phía các ban ngành chức năng.

Ngoài ra hoạt động kinh doanh của Công ty phải đối mặt với những rủi ro đặc thù như thiên tai, môi trường, những biến động chính trị và xã hội trên thế giới, chiến tranh, khủng bố, tranh chấp trên biển... Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng có thể gây ra những thiệt hại về tài sản, con người, thị trường... và do đó sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kinh tế năm 2016 diễn ra trong bối cảnh khó khăn, đặc biệt đối với ngành vận tải biển nói chung và vận tải container nói riêng, các hãng tàu vận chuyển container tiếp tục thua lỗ, một số hãng tàu lớn đã phải cơ cấu lại hoạt động nhằm tiết giảm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tháng 9/2016, sự kiện hãng tàu lớn nhất của Hàn Quốc là Hanjin Shipping phá sản, đã ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động vận tải, khai thác cảng biển nói riêng.

1.1. Về hoạt động cảng biển

Khu vực Hải Phòng tiếp tục cạnh tranh gay gắt, xu hướng cung nhiều hơn cầu về bến cảng. Chính vì thế mà một số cảng nhỏ nằm ở vị trí phía trong thượng lưu ở vào thế bất lợi về mặt địa lý, khả năng cạnh tranh không cao, các hãng tàu luôn có xu hướng yêu cầu giảm giá từ 5-10% so với năm trước. Mặc dù đã tích cực làm công tác marketing nhưng chính các yếu tố nêu trên đã làm ảnh hưởng lớn đến việc kí kết các hợp đồng cũng như công tác tìm kiếm và mở rộng thị trường. Từ chỗ Cảng tiếp nhận 7 chuyến/tuần vào làm hàng (thậm chí có những lúc tiếp nhận 8 chuyến/tuần) thì giảm sút chỉ còn 5 chuyến/tuần. Do đó, để đảm bảo sản lượng khai thác, từ tháng 4/2016, Công ty đã hợp tác với GMD trong hoạt động vận tải, vì vậy Cảng đã có thêm 01 chuyến/tuần vào làm hàng.

Đơn vị: TEU

	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ
Tổng sản lượng khai thác cảng	305.000	323.343	106%
- Bốc xếp hàng xuất nhập khẩu	-	153.552	-
- Bốc xếp hàng nội địa	-	169.791	-

1.2. Về hoạt động vận tải

Tiếp tục diễn ra cạnh tranh gay gắt, tuyến vận tải nội địa thường xuyên có 22-24 chuyến tàu và xu hướng tiếp tục tăng thêm trong thời gian tới.

Tuyến Hải Phòng - Hong Kong cũng có cạnh tranh mạnh, một số hãng tàu cùng đưa tàu vào khai thác tuyến này: GMD, Vsico...

Từ đầu tháng 8 đến hết tháng 10/2016, sau khi đưa tàu HAIAN SONG đi sửa chữa định kỳ, Công ty đã chủ động ký Hợp đồng thuê tàu ITALIAN EXPRESS có tính năng tương đương tàu HAIAN SONG để khai thác và triển khai lịch tàu vào Cái Mép 02 chuyến/tuần.

Trong Quý 4/2016 sản lượng vận tải tăng mạnh ở cả hai chiều, công ty đã ký được Hợp đồng với một số khách hàng lớn (với điều kiện v/c door - door) như: AJINOMOTO, INTERFOOD, AGC, ACECOOK,... đặc biệt là bước đầu ổn định hàng chuyển tải cho các hãng tàu, điều này giúp tăng sản lượng vận tải cho đội tàu, cũng như tăng sản lượng khai thác của Cảng

	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ
Tổng sản lượng khai thác tàu	118.000	141.517	129,61%

2. Tổ chức nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Tạ Mạnh Cường	Tổng Giám đốc	
2	Vũ Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	
3	Phạm Thị Hồng Nhung	Kế toán trưởng	

2.2 Sơ yếu lí lịch Ban Điều hành**- Ông Tạ Mạnh Cường**

Họ và tên: Tạ Mạnh Cường
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 30/01/1965
Nơi sinh: Hải Phòng
CMND: 031600536 Ngày cấp 26/06/2006, Nơi cấp: Công An Tp.Hải Phòng
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 22/67 Tô Hiệu, Trại Cau Lê Chân Hải Phòng
Số điện thoại công ty: 0313 766561
Số điện thoại di động: 0903415105
Địa chỉ email: Cuong.tm@haiants.vn
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 1988 - 2000: Xí nghiệp giày dép số 5 Hải Phòng
 - 2001 - 2007: Phó GD Công ty dịch vụ kỹ thuật Hàng hải
 - 2007 - 2010: GD Công ty DVKT Hàng hải
 - 2010 - ngày 16/10/2014: Phó TGD Công ty CP Vận tải và Xếp dỡ Hải An kiêm GD Cảng Hải An - Hải Phòng
 - 2011 - nay: Ủy viên HĐQT Công ty CP Vận tải và Xếp dỡ Hải An
 - 16/10/2014 - nay: TGD Công ty CP Vận tải và Xếp dỡ Hải An
- Cá nhân sở hữu: 65.368 cổ phần, chiếm 0,28% vốn điều lệ

- Ông Vũ Thanh Hải

Họ và tên: Vũ Thanh Hải
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 12/09/1973
Nơi sinh: Thái Bình
CMND: 024100797, nơi cấp: Công An Tp. Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Số 68 Bis Huỳnh Mẫn Đạt, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Số điện thoại công ty: 04 39876556
Số điện thoại di động: 0913239196
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điều khiển tàu biển
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 1995 - 2001: Cán bộ thị trường, Đại diện trường Chi nhánh Singapore Công ty LD Gemartrans
- 3/2001 - 4/2002: Phó phòng Khai thác – Ban Quản lý tàu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam
- 5/2002 - 2009: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công ty Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức
- 2009 - 09/2014: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức; Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty liên doanh “K” Line Logistics (Việt Nam) Ltd.
- 10/2014 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức ; Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty liên doanh “K” Line Logistics (Việt Nam) Ltd;
- Tháng 11/2013 - nay: ủy viên HĐQT Công ty CP Vận tải và Xếp dỡ Hải An
- Ngày 16/10/2014 - nay: được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và Xếp dỡ Hải An
- Ngày 13/11/2015 - nay: Giám đốc Công ty TNHH Vận tải Container Hải An, thành viên HĐQT Công ty TNHH Vận tải Container Hải An

Cá nhân sở hữu: 1.000 cổ phần, chiếm 0,0043% vốn điều lệ

- **Bà Phạm Thị Hồng Nhung**

Họ và tên: Phạm Thị Hồng Nhung
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 03/09/1975
Nơi sinh: Hải Phòng
CMND 030947413, ngày cấp 12/10/2009 nơi cấp: Sở Công an Hải

Phòng
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 68 Lô 27 Lê Hồng Phong, P.Đông Khê, Q.Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Số điện thoại công ty: 04.39876556
Số điện thoại di động: 0912236696
Địa chỉ email: Nhung.pth@haiants.vn
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển
Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán doanh nghiệp.

Quá trình công tác:

- Từ 7/1997 đến 12/1998: Nhân viên Ban tổ chức lao động tiền lương Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ tổng hợp Cảng Hải Phòng
- Từ tháng 1/1999 đến 7/2002: Nhân viên Ban kế toán Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ tổng hợp Cảng Hải Phòng nay là Công ty CP thương mại dịch vụ tổng hợp Cảng Hải Phòng.
- Từ tháng 8/2002 đến 7/2004: Phó phòng, phụ trách Phòng kế toán Công ty CP thương mại dịch vụ tổng hợp Cảng Hải Phòng
- Tháng 8/2004 đến tháng 2/2011: KTT, Trưởng phòng tài chính kế toán Công ty CP thương mại dịch vụ tổng hợp Cảng Hải Phòng.
- Từ 05/2011 đến nay: KTT Công ty cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An.
- Ngày 13/11/2015 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Vận tải Container Hải An

Cá nhân sở hữu: 3.000 cổ phần chiếm 0,01% vốn điều lệ

2.3 Số lượng cán bộ và chính sách người lao động

- Cơ cấu và số lượng cán bộ, nhân viên (bao gồm các công ty thành viên)

Chỉ tiêu	Số lượng lao động
Tổng số lao động	280
Phân theo giới tính	
- Nam	221
- Nữ	59
Phân theo trình độ học vấn	
- Trình độ đại học trở lên	159

Chỉ tiêu	Số lượng lao động
- Trình độ cao đẳng chuyên nghiệp	25
- Trình độ trung cấp chuyên nghiệp	68
- Lao động phổ thông	28
Phân theo phân công lao động	
- Viên chức quản lý chuyên trách	36
- Viên chức quản lý không chuyên trách	0
- Lao động trực tiếp	244

- **Chính sách đối với người lao động**

Công ty luôn thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết với người lao động đã được quy định trong thỏa ước lao động và hợp đồng lao động. Người lao động trong Công ty đều có hợp đồng lao động, được đảm bảo về việc làm, được trả lương theo năng lực và thỏa thuận hợp đồng.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn

- Lập xong bình đồ cao độ toàn bộ mặt bằng để làm cơ sở xây dựng phương án hoàn chỉnh toàn bộ mặt bãi.
- Hoàn thiện việc nâng cấp nền nhà kho bằng bê tông nhựa atspan, hoàn thiện nạo vét khu nước trước bến .
- Hoàn thiện việc sửa chữa đường ống cấp nước, hạn chế được tình trạng thất thoát nước sạch.
- Duy tu sửa chữa mặt bãi và một số hạng mục phụ trợ khác.
- Đã đầu tư 05 xe vận chuyên container cho khu vực Cái Mép và 05 xe cho CN TP.HCM.
- Đầu tư mua 50 vỏ container cũ của HJS và cho sửa chữa lại, để phục vụ đóng hàng nặng (quặng, than, ...)
- Đầu tư mua 400 vỏ container mới (100x40' và 300x20') phục vụ cho vận chuyên hàng giá trị cao như: thực phẩm, ...

3.2 Các công ty con, công ty liên kết

- **Công ty TNHH Cảng Hải An (HAP)**

Công ty TNHH Cảng Hải An là công ty có 100% vốn của Công ty Mẹ, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ liên quan đến cảng biển bao gồm: xếp dỡ hàng hóa và container, dịch vụ kho CFS và kho ngoại quan, dịch vụ Depot, dịch vụ lưu container lạnh, vận chuyển hàng hóa thủy nội địa, dịch vụ Logistics...

Tổng sản lượng xếp dỡ 323.343 TEU, doanh thu năm 2016 đạt 142,45 tỷ đồng, giảm 11,62% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế năm 2015 đạt 3,74 tỷ đồng, giảm 16,34% so với cùng kỳ năm trước.

- **Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (HAAL)**

Công ty đồng thời vừa làm đại lý cho hãng tàu Penexline (Singapore), vừa phát triển kinh doanh vận tải biển nội địa và dịch vụ logistic, đã từng bước nâng cấp và hoàn chỉnh bộ máy tổ chức, khẳng định chất lượng dịch vụ trên thị trường vận tải, tạo uy tín và được khách hàng đánh giá cao.

Sản lượng đại lý của Công ty đạt 54.982 TEU hàng xuất nhập khẩu và 135.828 TEU hàng nội địa, tổng doanh thu đạt 89.99 tỷ đồng (bao gồm phần được chia theo BCC năm 2016) và lợi nhuận trước thuế đạt khoảng 18.917 tỷ đồng (bao gồm phần được chia theo BCC năm 2016).

- **Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (HAGS)**

Công ty từng bước khẳng định mục tiêu hoạt động, ngoài cung cấp các dịch vụ bốc xếp, vệ sinh sửa chữa container và vận tải cho Cảng, Công ty còn tham gia cung cấp dịch vụ vận tải cho các công ty liên kết, tăng thêm việc làm cho người lao động.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016:

- + Đạt sản lượng: 160.685 teu;
- + Doanh thu: 18,76 tỷ đồng;
- + Lợi nhuận trước thuế: 1,55 tỷ đồng.

- **Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (HACT)**

Thành lập từ tháng 11/2015, hoạt động trong lĩnh vực vận tải biển, Công ty dần dần hoàn thiện, kiện toàn bộ máy quản lý, khai thác đội tàu và quản lý kỹ thuật đội tàu, duy trì và tăng cường công tác quản lý kỹ thuật thường xuyên đảm bảo tình trạng tàu hoạt động bình thường đáp ứng yêu cầu khai thác.

4. Tình hình tài chính
4.1 Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu <i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>	BCTC Công ty mẹ			BCTC Hợp nhất		
		Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	878.311	927.513	+5,60%	920.877	966.320	+4,93%
2	Doanh thu thuần	403.168	417.853	+3,64%	524.839	487.582	-7,10%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	183.032	149.382	-18,38%	190.138	147.661	-22,34%
4	Lợi nhuận khác	(4.981)	979	+119,65%	(7.646)	1.002	-113,10%
5	Lợi nhuận trước thuế	178.051	150.361	-15,55%	182.492	148.663	-18,54%
6	Lợi nhuận sau thuế	163.361	135.557	-17,02%	166.959	133.831	-19,84%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	30%	20%	-33,33%	30%	20%	-33,33%

- Các chỉ tiêu khác: Không có

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Các chỉ tiêu	BCTC Công ty Mẹ		BCTC Hợp nhất		Ghi chú
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần) TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,85	1,65	1,62	1,73	
	+ Hệ số thanh toán nhanh (lần) <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,77	1,59	1,45	1,59	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (%)	0,42	0,40	0,44	0,41	
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (%)	0,73	0,67	0,77	0,68	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
	+ Vòng quay hàng tồn kho (lần) <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	18	26	12	12	
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản (lần)	0,51	0,46	0,63	0,52	

TT	Các chỉ tiêu	BCTC Công ty Mẹ		BCTC Hợp nhất		Ghi chú
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	
4	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>					
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	40,52	32,44	31,81	27,45	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	35,02	25,51	34,98	24,42	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	20,62	15,01	20,14	14,18	
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	45,40	35,75	36,23	38,28	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tại ngày 31/12/2016)
5.1 Cổ phần

Số lượng cổ phiếu của Công ty không thay đổi và là 23.196.232 cổ phiếu.

Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...): Toàn bộ số cổ phiếu của Công ty (23.196.232 cổ phiếu) là cổ phiếu thường.

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 22.740.129 cổ phiếu.

Công ty thực hiện việc mua lại cổ phiếu để làm cổ phiếu quỹ từ ngày 06/12/2016 đến 05/01/2017 do đó phát sinh số liệu khác nhau về số lượng cổ phiếu đang lưu hành và cổ phiếu quỹ tại nhiều thời điểm trong năm.

5.2 Cơ cấu cổ đông (tại ngày 26/10/2016)

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
Cổ đông trong nước				
1	Tổ chức	11.996.276	51,72%	23
2	Cá nhân	6.213.113	26,79%	719
Cổ đông nước ngoài				
3	Tổ chức	4.457.250	19,22%	15
4	Cá nhân	272.490	1,17%	19
	Cổ phiếu quỹ	257.103	1,11%	-
	Tổng cộng	23.196.232	100%	776

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có thay đổi
5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ (chốt tại ngày 31/12/2016)

- Thời gian : Từ ngày 06/12/2016 đến 05/01/2017
- Số lượng cổ phiếu quỹ trước : 257.103 cổ phiếu
khi giao dịch
- Số lượng cổ phiếu mua lại tính : 199.000 cổ phiếu
đến ngày 31/12/2016
- Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày : 456.103 cổ phiếu
31/12/2016
- Giá giao dịch trung bình tính : 38.807 đồng/cổ phiếu
đến ngày 31/12/2016
- Phương thức giao dịch : khớp lệnh và thỏa thuận
- Nguồn vốn : thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển theo báo cáo tài chính công ty mẹ đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2016
- Công ty chứng khoán được chỉ : Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

định làm đại lý thực hiện giao (SSI)
dịch mua lại cổ phiếu

5.5 Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá chung

1.1 Về kinh doanh

Chỉ tiêu		Đơn vị	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Thực hiện 2015	Tỷ lệ % so với cùng kỳ năm trước	Tỷ lệ % so với KH
Sản lượng	Khai thác Cảng	TEU	305.000	323.343	356.654	90,7	106
	Vận tải		118.000	141.517	90.426	156,50	129,61
Doanh thu	Khai thác Cảng	Tr.VND	322.000	286.915	381.899	75,13	89,10
	Vận tải		221.000	244.395	172.076	142,03	110,59
	Doanh thu HACT			1.369			
Chi phí	Khai thác Cảng	Tr.VND	203.000	175.302	228.146	76,84	86,36
	Vận tải		185.000	205.647	146.934	139,96	111,16
	Chi phí HACT			1.223			
Lãi, lỗ KDCB	Khai thác Cảng	Tr.VND	119.000	111.613	153.753	72,59	93,79
	Vận tải		36.000	38.748	25.142	154,12	107,63
	HACT			146			
LNST		Tr.VND	143.000	133.831	166.958	80,16	93,59

1.2 Về đầu tư phát triển:

- Lập xong bình đồ cao độ toàn bộ mặt bằng để làm cơ sở xây dựng phương án hoàn chỉnh toàn bộ mặt bãi.
- Hoàn thiện việc nâng cấp nền nhà kho bằng bê tông nhựa atspan, hoàn thiện nạo vét khu nước trước bến .
- Hoàn thiện việc sửa chữa đường ống cấp nước, hạn chế được tình trạng thất thoát nước sạch.
- Duy tu sửa chữa mặt bãi và một số hạng mục phụ trợ khác.
- Đã đầu tư 05 xe vận chuyển container cho khu vực Cái Mép và 05 xe cho CN TP.HCM.

- Đầu tư mua 50 vỏ container cũ của HJS và cho sửa chữa lại, để phục vụ đóng hàng nặng (quặng, than, ...)
- Đầu tư mua 400 vỏ container mới (100x40' và 300x20') phục vụ cho vận chuyển hàng giá trị cao như: thực phẩm, ...

1.3 Về quản lý :

- Tổ chức tuyển dụng thêm cán bộ cho chi nhánh TP HCM, đồng thời luân chuyển cán bộ giữa các công ty trong nhóm nhằm nâng cao hiệu quả làm việc.
- Hoàn thành việc kiểm tra thuế năm 2015.
- Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ pháp lý trong việc chuyển giao tài sản từ HATS sang cho HACT.
- Hiệu chỉnh và hoàn thiện phần mềm sau khi nâng cấp một cách thường xuyên, đáp ứng được yêu cầu của khách hàng đặc biệt là các hãng tàu. Công tác ANAT được duy trì, mặc dù được nhắc nhở thường xuyên, các biện pháp kỷ luật được đưa ra nhưng vẫn còn hiện tượng chủ quan, làm ẩu nên vẫn còn xảy ra một số sự cố hư hỏng nhẹ.

2. Tình hình tài chính
2.1 Tình hình tài sản

	Chỉ tiêu	BCTC Công ty Mẹ		BCTC Hợp nhất	
		31/12/2015	31/12/2016	31/12/2015	31/12/2016
I	Tài sản ngắn hạn	254.326.853.278	284.745.440.784	271.936.183.156	333.300.607.112
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	149.754.819.697	189.378.258.842	157.637.362.387	221.639.040.386
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	75.021.485.398	83.723.158.886	66.616.690.213	81.364.891.565
4	Hàng tồn kho	10.282.989.087	9.716.231.820	28.171.316.193	26.902.780.226
5	Tài sản ngắn hạn khác	19.267.559.096	1.927.791.236	19.510.814.363	3.393.894.935
II	Tài sản dài hạn	623.983.999.397	642.768.044.420	648.940.537.145	633.019.052.530
1	Các khoản phải thu dài hạn	1.836.908.123	1.864.571.143	3.336.908.123	3.352.571.143
2	Tài sản cố định	585.167.342.985	536.553.061.886	590.148.653.166	543.842.974.919
3	Bất động sản đầu tư	-	-	-	-
4	Tài sản dở dang dài hạn	17.502.407.891	23.161.978.675	21.891.769.895	23.161.978.675
5	Đầu tư tài chính dài hạn	10.000.866.500	48.805.386.500	23.663.217.600	29.319.448.262
6	Tài sản dài hạn khác	9.476.473.898	32.383.046.216	9.899.988.361	33.342.079.531
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	878.310.852.675	927.513.485.204	920.876.720.301	966.319.659.642

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8-20
Máy móc và thiết bị	5-10
Phụ trợ vận tải, truyền dẫn	6-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-8
Tài sản cố định khác	5

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.
- Chương trình phần mềm: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

2.2 Tình hình nợ phải trả

	Chỉ tiêu	BCTC Công ty Mẹ		BCTC Hợp nhất	
		31/12/2015	31/12/2016	31/12/2015	31/12/2016
I	Nợ ngắn hạn	137.753.043.896	172.926.466.529	167.671.267.935	192.415.371.419
1	Phải trả người bán ngắn hạn	33.899.264.669	50.226.199.820	44.509.475.172	57.657.888.039
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	383.606.600	604.561.465	383.606.600	632.941.465
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13.968.755.751	15.992.965.327	14.856.003.290	16.300.820.733
4	Phải trả người lao động	5.126.436.134	3.875.329.425	20.581.260.986	12.921.513.980
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	386.506.838	342.472.664	386.506.838	342.472.664
6	Phải trả ngắn hạn khác	24.494.315.863	34.658.304.616	24.811.914.298	34.684.758.616
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	48.372.200.394	51.684.745.565	48.372.200.394	51.684.745.565
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	2.648.342.710	2.648.342.710
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	11.121.957.647	15.541.887.647	11.121.957.647	15.541.887.647
II	Nợ dài hạn	232.933.639.846	199.445.831.351	232.933.639.846	199.445.831.351
1	Phải trả dài hạn khác	90.604.520.000	90.604.520.000	90.604.520.000	90.604.520.000
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	142.329.119.846	108.841.311.351	142.329.119.846	108.841.311.351
	NỢ PHẢI TRẢ	370.686.683.742	372.372.297.880	400.604.907.781	391.861.202.770

Đối với các khoản nợ đến hạn, Công ty duy trì thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ vay. Đây cũng là một lợi thế của công ty trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay từ các ngân hàng cho các dự án của mình một cách dễ dàng với chi phí lãi vay ưu đãi nhất.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

3.1 Về kinh doanh:

- Tiếp tục tập trung hỗ trợ cho các hãng tàu ngoại đang sử dụng Cảng nhằm giúp họ có thể duy trì và phát triển tuyến. Đồng thời đẩy mạnh công tác thị trường cho tuyến nội địa (mục tiêu là các khách hàng có lượng hàng lớn, ổn định cả năm, đặc biệt chú trọng ký hợp đồng theo phương thức door-door, để có thể tận dụng hết lợi thế của toàn bộ hệ thống). Phần đầu đạt mục tiêu 15%-20% thị phần vận tải nội địa.
- Mở rộng quan hệ hợp tác với các hãng tàu để phát triển đội tàu nội địa.
- Tập trung xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống báo cáo, thống kê số liệu (năng lực toàn bộ hệ thống Cảng tại khu vực Hải Phòng, sản lượng hàng hóa thông qua Cảng HP, các đơn vị tham gia tuyến nội địa, các chính sách, ...), tập trung cùng với BRAVO hoàn thiện phần mềm phục vụ cho công tác Marketing, công tác quản lý, ... cố gắng trong Quý II/2017 có thể đưa module Shipping vào hoạt động, để nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tuyến nội địa.
- Tiếp tục duy trì và giữ mối quan hệ với các Cảng lân cận để có thể chuyển tàu khai thác với chi phí hợp lý.
- Tiếp tục triển khai dịch vụ làm hàng LCL ở cả phía Nam và phía Bắc
- Tiết giảm tối đa các chi phí không cần thiết, đàm phán để giảm giá đối với các nhà cung cấp dịch vụ từ 5-10%, để nâng cao hiệu quả SXKD.
- Tích cực triển khai công tác thị trường cả cho vận tải lẫn khai thác Cảng.
- Tập trung phát triển thị trường khu vực Cái Mép nhất là hàng chuyển tải của các Hãng tàu có tàu mẹ cập cảng khu vực Cái Mép, phần đầu sản lượng tại khu vực này đạt 150-200 teus/chuyến.

3.2 Về quản lý:

- Tiếp tục tăng cường và duy trì kỷ luật lao động, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.
- Tiếp tục hoàn thiện phần mềm sau khi nâng cấp, bổ xung và hoàn thiện các phần mềm phục vụ công tác Marketing, Quản lý tàu, văn phòng. Trên cơ sở đó sắp xếp lại nhân lực theo hướng tinh giảm và hiệu quả.
- Tiếp tục cơ cấu lại lao động (đặc biệt là khu vực Cảng), xây dựng lại hệ thống tiền lương cho phù hợp với định hướng kinh doanh mới. Tiếp tục tuyển dụng lao động có trình độ cao, tập trung cho hoạt động, Quản lý Tàu, ...

- Thực hiện các thủ tục pháp lý để hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (HACT).
- Hoàn thiện Văn phòng, tổ chức nhân sự và các công việc phục vụ cho hoạt động đại lý của SM lines trong tháng 2/2017.

3.3 Về đầu tư :

- Tiếp tục theo sát và hoàn thiện hồ sơ dự án khu dịch vụ hậu cần sau cảng và các hạng mục đã được phê duyệt.
- Tiếp tục đầu tư tàu khi có cơ hội.
- Tiếp tục đầu tư thêm vỏ container (kể cả loại mới và đã qua sử dụng).
- Tập trung phát triển cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, phương tiện để mở rộng và phát triển dịch vụ Logistic ở cả miền Bắc và miền Nam.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống mặt bãi CY bằng phương án đổ các cục bê tông làm gờ kê container (phương án này tiết giảm được chi phí đầu tư và đảm bảo chống ngập nước) và một số hạng mục phụ trợ khác.
- Triển khai và hoàn thiện công tác kiểm định cộng với việc nâng cấp cầu tàu, để có thể tiếp nhận tàu có chiều dài $\leq 185m$ vào Cảng làm hàng.
- Phát triển đội xe vận chuyển container ở cả khu vực phía Nam và phía Bắc để hoàn thiện dịch vụ đảm bảo ổn định hoạt động cho tuyến vận tải nội địa.

IV. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

1.1 Về sản xuất – kinh doanh

a) Khai thác cảng:

Do có thêm các cảng mới ở hạ lưu thuận lợi hơn các cảng cũ (món nước, LOA, thiết bị đồng bộ...) cộng với chủ trương “nhận tàu ngoại bằng mọi giá” nên cạnh tranh ngày càng gay gắt, giá giảm sâu, có cảng đã chào RCL với mức giảm giá tới 50% so với giá tối thiểu mà Bộ GTVT qui định có hiệu lực từ 1/7/2017. Riêng với cảng Hải An, do vẫn giữ được các hãng tàu đang sử dụng cảng như RCL, Penex, GMD nên sản lượng hàng qua cảng chỉ giảm nhẹ 9% so với năm 2015 (323.343TEU/356.656TEU và vẫn vượt công suất thiết kế của Cảng 250.000TEU/năm)). Tuy nhiên do cấu trúc hàng thay đổi, hàng nội địa chiếm hơn 52,5%, trong khi đó năm 2015 tỷ lệ này chỉ là 34%. Đặc biệt do lượng hàng lạnh suy giảm gần 50% (11.025 TEU/21.267 TEU) nên doanh thu khai thác hàng lạnh giảm tới 63 tỷ đồng (2017: 107 tỷ, năm 2016 chỉ đạt 44 tỷ). Đây là nguyên nhân chính làm cho lợi nhuận sau thuế của hoạt động khai thác cảng giảm tới 27% (gần 40 tỷ) so với năm 2015 (104 tỷ/143 tỷ).

b) Về vận tải container:

Tiếp tục phát triển ổn định, các tàu được sử dụng hết công suất, tàu “Haian Park” chạy được 52 chuyến (nước ngoài 31,5 chuyến, nội địa 20,5 chuyến), tàu “Haian Song” chạy được 44 chuyến (nước ngoài 18,5 chuyến, nội địa 25,5 chuyến - số chuyến giảm do thời gian DD/SS kéo dài mất một tháng), tàu “Haian Time” chạy được 50 chuyến (nước ngoài 06 chuyến, nội địa 44 chuyến) tàu này DD/SS đúng 02 tuần. Ngoài ra còn đổi tàu cho GMD được 5 chuyến và thuê tàu “Italian Express” chạy 12,5 chuyến thay “Haian Song” đi sửa chữa. Tổng sản lượng vận tải đạt 195.960 TEU (nước ngoài 59.973 TEU, nội địa 135.987 TEU). Doanh thu đạt 513 tỷ, Lợi nhuận sau thuế đạt 65,1 tỷ (bằng 12,7% so với doanh thu và hơn 37% so với vốn góp). Hoạt động vận tải vượt kế hoạch khá cao nên không chỉ hỗ trợ sản lượng cho cảng mà còn đóng góp vào lợi nhuận sau thuế hơn 30 tỷ làm cho tổng lợi nhuận sau thuế của toàn công ty chỉ giảm 6% so với kế hoạch (133tỷ/143tỷ).

1.2 Về quản lý doanh nghiệp

Cũng trong năm 2016, Công ty đã tập trung nâng cấp được phần mềm khai thác cảng, tạo điều kiện tốt hơn cho khách hàng góp phần duy trì chất lượng dịch vụ của Cảng. Ngoài ra Công ty đã tiếp tục thực hiện chương trình đào tạo, luân chuyển cán bộ, mạnh dạn bổ nhiệm cán bộ trẻ để kiện toàn bộ máy và nâng cao chất lượng quản lý, kiểm soát nội bộ.

1.3 Về trách nhiệm xã hội

Công ty luôn luôn tổ chức thực hiện tốt các qui định về bảo vệ môi trường, thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, giữ vệ sinh, trồng cây xanh để tạo môi trường xanh cho Cảng. Thông qua hoạt động của tổ chức Công đoàn, Công ty đã tích cực tham gia và đóng góp vào các hoạt động từ thiện, xóa đói giảm nghèo...

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Ban Tổng giám đốc Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, cụ thể:

- Đã tổ chức thực hiện tốt các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT, đặc biệt là trong việc đầu tư phát triển tàu và nâng cấp hệ thống phần mềm khai thác cảng của Công ty.
- Duy trì được kỷ luật, nề nếp quản lý của Công ty.
- Từng bước thực hiện được chủ trương phát triển kinh doanh ra khu vực phía Nam và xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, kinh doanh cho Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng trong tương lai của Hội đồng quản trị

- Đầu tư một đến hai tàu container loại 1000 - 1500 TEU có giá khoảng 5,5 triệu đến 7 triệu USD/tàu bằng nguồn vốn tự có, vốn do các doanh nghiệp thành viên đóng góp và vay vốn Ngân hàng.
- Đầu tư thêm vỏ container mới để phục vụ vận chuyển hàng thực phẩm.

- Tiếp tục làm thủ tục đầu tư và chuẩn bị đầu tư cho các dự án Cát Hải, Depots, kho, bãi, xe kéo để phục vụ hoạt động Logistics và vận tải nội địa.

V. Thông tin quản trị công ty

1. Hội đồng Quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Ô. Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT	360.912	1,56	
2	Ô. Bùi Tuấn Ngọc	TVHĐQT	5.110.610	22,03	
3	Ô. Tạ Mạnh Cường	TVHĐQT, kiêm TGD	1.225.769	5,28	
4	Ô. Vũ Thanh Hải	TVHĐQT, kiêm Phó TGD	2.031.000	8,75	
5	Ô. Lê Duy Hiệp	TVHĐQT	1.031.250	4,45	
6	Ô. Phùng Văn Quang	TVHĐQT	342.000	1,48	

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Không có

1.3 Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	0204-2016/NQ- HĐQT	07/4/2016	- Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ thường niên 2016 và thông qua các báo cáo trình ĐHĐCĐ
2	0205-2016/QĐ- HĐQT	04/5/2016	- Thành lập chi nhánh tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
3	0610-2016/NQ- HĐQT	10/10/2016	- Thông qua kết quả kinh doanh 9 tháng năm 2016 và phê duyệt tạm ứng cổ tức năm 2016
4	0211-2016/NQ- HĐQT	14/11/2016	- Thông qua việc Công ty mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ

2. Ban Kiểm soát

- Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	B. Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng ban	2.100	0,009	
2	Ô. Đỗ Thành Đĩnh	Thành viên	61.600	0,27	
3	Ô. Phùng Đình Phúc	Thành viên	18.480	0,08	

- Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2016, Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ xem xét chi tiết hoạt động quản trị và kinh doanh của công ty tại thời điểm. Đại diện Ban kiểm soát được HĐQT mời tham gia phiên họp làm việc về các định hướng phát triển của Công ty. Ban kiểm soát cũng thường xuyên duy trì việc trao đổi và đánh giá tình hình hoạt động của công ty với Ban điều hành và HĐQT.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát
3.1 Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát: (Giá trị trước thuế TNCN)

STT	Nội dung	Thù lao	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị		
1	Vũ Ngọc Sơn	72.000.000	
2	Bùi Tuấn Ngọc	72.000.000	
3	Tạ Mạnh Cường	72.000.000	
4	Vũ Thanh Hải	72.000.000	
5	Lê Duy Hiệp	72.000.000	
6	Phùng Văn Quang	72.000.000	
II	Ban Kiểm soát		
1	Nguyễn Tuấn Anh	12.000.000	Miễn nhiệm từ 21/3/2016
2	Nguyễn Thị Thanh Tú	24.000.000	Bổ nhiệm từ 25/4/2016
3	Phùng Đình Phúc	36.000.000	
4	Đỗ Thành Đĩnh	36.000.000	

3.2 Giao dịch của cổ đông lớn/cổ đông nội bộ và người có liên quan

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty Cổ phần Transimex	Ông Bùi Tuấn Ngọc - Phó Chủ tịch HĐQT là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Transimex	5.656.250	24,38	5.110.610	22,03	Giảm đầu tư
2	Ông Phùng Văn Quang	Thành viên HĐQT	77.000	0,33	67.000	0,29	Giảm đầu tư
3	Công ty Cổ phần Hải Minh	Ông Phùng Văn Quang - Thành viên HĐQT là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hải Minh	550.000	2,37	275.000	1,19	Giảm đầu tư
4	Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	Ông Tạ Mạnh Cường - Thành viên HĐQT là Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	1.460.401	6,30	1.160.401	5	Giảm đầu tư

3.3 Các hợp đồng và giao dịch với cổ đông nội bộ và người có liên quan: Không có

VI. Báo cáo tài chính

Báo cáo Tài chính năm 2016 đã được kiểm toán (Công ty Mẹ và Hợp nhất) có thể tham khảo trên địa chỉ Website: www.haiants.vn (Mục Quan hệ Cổ đông)

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2017

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Mạnh Cường



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ XÉP DỠ HẢI AN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	13 - 15
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	15 - 54

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty được chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103818809 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 5 năm 2009.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các giấy phép đăng ký kinh doanh sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 1 ngày 02 tháng 7 năm 2009 về việc thay đổi địa chỉ công ty.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 2 ngày 31 tháng 7 năm 2009 và lần thứ 3 ngày 17 tháng 8 năm 2009 về việc bổ sung chi tiết vốn bằng tài sản trong vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 4 ngày 24 tháng 9 năm 2009 về việc thay đổi địa chỉ, bổ sung ngành nghề kinh doanh và thành viên góp vốn.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 5 ngày 07 tháng 10 năm 2010 về việc bổ sung thành viên góp vốn.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 6 ngày 19 tháng 9 năm 2011 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 7 ngày 13 tháng 4 năm 2012 về việc sáp nhập Công ty Cổ phần Đóng tàu Hải An, thay đổi vốn điều lệ, thay đổi danh sách cổ đông sáng lập.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 8 ngày 05 tháng 12 năm 2014 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 043 987 7515
- Fax : 043 944 4022

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, Chi tiết:
- Hoạt động liên quan đến vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa ven biển và viễn dương;

- Hoạt động cảng biển, bến tàu, cầu tàu;
- Hoạt động hoa tiêu, lai dắt, đưa tàu cập bến;
- Hoạt động của trạm hải đăng;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, Chi tiết:
 - Hoạt động liên quan đến vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường bộ;
 - Hoạt động các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa;
 - Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy;
- Bốc xếp hàng hóa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, Chi tiết:
 - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường bộ, đường biển;
 - Giao nhận hàng hóa;
 - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;
 - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;
 - Hoạt động của các đại lý làm vận tải hàng hóa đường biển;
 - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa;
 - Dịch vụ đại lý tàu biển;
 - Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng các công trình công ích, Chi tiết:
 - Các đường ống với khoảng cách dài, mạng lưới truyền năng lượng và viễn thông;
 - Các đường ống với khoảng cách dài mạng lưới truyền năng lượng và viễn thông ở thành phố;
 - Các công trình phụ thuộc của thành phố;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, Chi tiết:
 - Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống; Đập và đê;
 - Xây dựng đường hầm;
 - Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Ban phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác, Chi tiết:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
 - Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
 - Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
 - Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
 - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
 - Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh
 - Hoạt động còn lại của hoạt động kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu
- Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch	Ngày 18 tháng 9 năm 2011
Ông Tạ Mạnh Cường	Ủy viên	Ngày 18 tháng 9 năm 2011
Ông Vũ Thanh Hải	Ủy viên	Ngày 13 tháng 11 năm 2013
Ông Lê Duy Hiệp	Ủy viên	Ngày 18 tháng 9 năm 2011
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Ủy viên	Ngày 18 tháng 9 năm 2011
Ông Phùng Văn Quang	Ủy viên	Ngày 18 tháng 9 năm 2011

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Đỗ Thành Đĩnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 11 năm 2013
Ông Phùng Đình Phúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 11 năm 2013

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Tạ Mạnh Cường	Tổng Giám đốc	Ngày 16 tháng 10 năm 2014
Ông Vũ Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 16 tháng 10 năm 2014

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Tạ Mạnh Cường (bổ nhiệm ngày 16 tháng 10 năm 2014).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

15-
H NHI
CÔNG
NHIỆM
TOÁN V
A &
TẠI H
ĐA

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Tạ Mạnh Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 02 năm 2017

202
NH
TY
HỮU
A TU
C
NÔ
TP



Số: 16/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 08 tháng 02 năm 2017, từ trang 08 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Phạm Quang Huy - Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

Ngô Thị Lệ Quyên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2523-2014-008-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		333.300.607.112	271.936.183.156
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	221.639.040.386	157.637.362.387
1. Tiền	111		50.113.388.756	42.041.526.771
2. Các khoản tương đương tiền	112		171.525.651.630	115.595.835.616
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		81.364.891.565	66.616.690.213
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	79.550.746.192	63.640.851.212
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	432.376.141	1.772.867.041
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	1.804.136.344	1.509.465.572
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(422.367.112)	(306.493.612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		26.902.780.226	28.171.316.193
1. Hàng tồn kho	141	V.7	26.902.780.226	28.171.316.193
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.393.894.935	19.510.814.363
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.982.821.436	841.885.249
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.257.918.099	18.665.773.714
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	153.155.400	3.155.400
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		633.019.052.530	648.940.537.145
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.352.571.143	3.336.908.123
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	3.352.571.143	3.336.908.123
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		543.842.974.919	590.148.653.166
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	539.911.057.885	586.813.131.791
<i>Nguyên giá</i>	222		808.898.695.403	779.973.143.531
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(268.987.637.518)	(193.160.011.740)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3.931.917.034	3.335.521.375
<i>Nguyên giá</i>	228		6.916.677.885	5.851.969.885
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.984.760.851)	(2.516.448.510)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		23.161.978.675	21.891.769.895
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	23.161.978.675	21.891.769.895
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		29.319.448.262	23.663.217.600
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2a	24.318.581.762	18.662.351.100
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	5.000.866.500	5.000.866.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		33.342.079.531	9.899.988.361
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	33.342.079.531	9.899.988.361
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		966.319.659.642	920.876.720.301

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		391.861.202.770	400.604.907.781
I. Nợ ngắn hạn	310		192.415.371.419	167.671.267.935
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	57.657.888.039	44.509.475.172
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	632.941.465	383.606.600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	16.300.820.733	14.856.003.290
4. Phải trả người lao động	314		12.921.513.980	20.581.260.986
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	342.472.664	386.506.838
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	34.684.758.616	24.811.914.298
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	51.684.745.565	48.372.200.394
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	2.648.342.710	2.648.342.710
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19a	15.541.887.647	11.121.957.647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		199.445.831.351	232.933.639.846
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	90.604.520.000	90.604.520.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	108.841.311.351	142.329.119.846
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		574.458.456.872	520.271.812.520
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	574.458.456.872	520.271.812.520
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		231.962.320.000	231.962.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		231.962.320.000	231.962.320.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		58.788.380.922	58.788.380.922
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(10.359.064.178)	(2.571.030.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		131.730.070.809	82.722.070.809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		153.894.000.153	149.376.806.830
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		65.994.677.830	149.376.806.830
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		87.899.322.323	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		8.442.749.166	(6.736.041)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		966.319.659.642	920.876.720.301

Lập, ngày 08 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Nhung

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	487.581.506.358	524.838.708.070
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		487.581.506.358	524.838.708.070
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	320.849.819.073	304.726.203.860
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		166.731.687.285	220.112.504.210
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	21.094.354.635	13.220.882.485
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.949.798.247	12.606.211.027
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.873.469.703	4.354.678.671
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(1.843.769.338)	3.612.276.309
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	32.371.884.670	34.201.574.960
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		147.660.589.665	190.137.877.017
12. Thu nhập khác	31	VI.6	1.077.325.268	314.725.438
13. Chi phí khác	32	VI.7	75.055.320	7.960.248.720
14. Lợi nhuận khác	40		1.002.269.948	(7.645.523.282)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		148.662.859.613	182.492.353.735
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		14.831.274.083	15.533.558.723
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>133.831.585.530</u>	<u>166.958.795.012</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>133.777.580.323</u>	<u>166.965.531.053</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>54.005.207</u>	<u>(6.736.041)</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>5.479</u>	<u>6.904</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	<u>5.479</u>	<u>6.904</u>

Lập, ngày 08 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Thị Thanh Hảo

Phạm Thị Hồng Nhung

Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	148.662.859.613	182.492.353.735		
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	76.511.015.685	63.425.547.666		
- Các khoản dự phòng	03	VI.5	115.873.500	2.839.452.794	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		743.004.388	7.637.925.269	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17.492.193.718)	(7.572.851.263)	
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	3.873.469.703	4.354.678.671	
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	212.414.029.170	253.177.106.872		
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.579.616.608	(6.769.957.964)	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.268.535.967	(6.343.205.914)	
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		23.037.425.697	80.846.628.812	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(24.583.027.357)	(8.084.887.921)	
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-	
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.045.882.877)	(4.195.965.150)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(26.405.051.785)	(7.092.422.480)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(7.015.070.000)	(4.300.215.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		177.250.575.424	297.237.081.255	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(31.498.185.959)	(160.218.245.158)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		31.818.182	2.090.909.092	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	8.500.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	3.196.610.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.420.717.498	6.888.351.271	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.045.650.279)	(139.542.374.795)	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.20	8.395.480.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.20	(7.788.034.178)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		17.179.245.021	74.966.208.750
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(48.190.924.836)	(83.193.225.688)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(68.766.987.000)	(69.181.807.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(99.171.220.993)</i>	<i>(77.408.823.938)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		64.033.704.152	80.285.882.522
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	157.637.362.387	77.086.650.648
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(32.026.153)	264.829.217
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	221.639.040.386	157.637.362.387

Lập, ngày 08 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Tổng Giám đốc



Ta Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An ⁽ⁱ⁾	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	54,2%	0%	57,75%	0%

⁽ⁱ⁾ Công ty nắm giữ 50,5% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty TNHH Vận tải Container Hải An và 7,25% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải an	Tầng 3 tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đinh Vũ, phường Đồng Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng		36%	36%	20%	20%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Tầng 2 tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đinh Vũ, phường Đồng Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng		50%	50%	50%	50%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 212 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 194 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định đối với nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ và Chi phí sửa chữa tài sản. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8-20
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-8
Tài sản cố định khác	4-5

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Hội đồng quản trị có thẩm quyền tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là Thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

23. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	635.640.375	1.343.836.398
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	49.477.748.381	40.697.690.373
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	171.525.651.630	115.595.835.616
Cộng	<u>221.639.040.386</u>	<u>157.637.362.387</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư vào công ty liên kết

	<u>Giá gốc</u>	<u>Số cuối năm</u> <u>Lợi nhuận</u> <u>phát sinh sau</u> <u>ngày đầu tư</u>	<u>Cộng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>Lợi nhuận</u> <u>phát sinh sau</u> <u>ngày đầu tư</u>	<u>Cộng</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An ⁽ⁱ⁾	1.000.000.000	1.032.551.462	2.032.551.462	1.000.000.000	787.482.351	1.787.482.351
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An ⁽ⁱⁱ⁾	5.000.000.000	17.286.030.300	22.286.030.300	5.000.000.000	11.874.868.749	16.874.868.749
Cộng	<u>6.000.000.000</u>	<u>18.318.581.762</u>	<u>24.318.581.762</u>	<u>6.000.000.000</u>	<u>12.662.351.100</u>	<u>18.662.351.100</u>

- ⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy đăng ký thuế số 0201275526 ngày 13 tháng 10 năm 2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải HAS)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn đã đầu tư đủ 1.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ.

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy đăng ký thuế số 0201244461 thay đổi lần thứ ba ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An 12.500.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Góp vốn trong năm	Phản lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	1.787.482.351	-	440.069.111	(195.000.000)	2.032.551.462
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	16.874.868.749	7.500.000.000	(88.838.450)	(2.000.000.000)	22.286.030.300
Cộng	18.662.351.100	7.500.000.000	351.230.662	(2.195.000.000)	24.318.581.762

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		
Chia lợi nhuận tàu HAIAN PARK năm 2014	-	733.097.898
Mua nguyên vật liệu	-	2.316.511.890
Cung cấp dịch vụ khai thác tàu	18.801.511.722	22.463.407.034
Cung cấp dịch vụ khai thác cảng	-	354.476.290
Nhận tiền chia lãi	2.000.000.000	1.500.000.000
Góp vốn bằng lợi nhuận chưa phân phối	7.500.000.000	-
Phải trả về hoạt động khai thác cảng	-	15.440.641
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An		
Cung cấp dịch vụ khai thác tàu	4.153.428.274	963.246.090
Cho thuê văn phòng	-	8.181.819
Bán dầu Diesel	1.368.276.606	2.165.605.938
Cho thuê xe nâng	32.500.000	99.290.322
Bán xe nâng	35.000.000	-
Dịch vụ khác	-	2.734.560
Dịch vụ vận chuyển	7.006.484.273	8.807.268.271
Dịch vụ vệ sinh, sửa chữa	3.449.612.167	3.756.921.076
Phải trả dịch vụ khác	-	33.360.000
Thu hồi tiền cho vay	-	1.000.000.000
Nhận tiền chia lãi	195.000.000	120.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	5.000.000.000		5.000.000.000	
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000		864.000	
Công ty Cổ phần MHC	2.500		2.500	
Cộng	5.000.866.500		5.000.866.500	

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	2.496.502.737	2.698.108.792
Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon	887.700.000	584.400.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon tại Hà Nội	109.787.510	197.495.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Macs	385.000.000	158.700.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng hải Macs tại Hải Phòng	359.136.572	171.907.561
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	-	4.300.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	125.287.078	142.358.413
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	557.174.577	1.141.878.593
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	32.417.000	293.061.750
Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương	-	4.007.475
Công ty Cổ phần Hải Minh	40.000.000	
Phải thu các khách hàng khác	77.054.243.455	60.942.742.420
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương tại Hải Phòng	11.248.851.414	9.377.071.190
Pendulum Express Lines Pte Ltd	10.543.900.307	5.761.835.539
Các khách hàng khác	55.261.491.734	45.803.835.691
Cộng	79.550.746.192	63.640.851.212

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	432.376.141	1.772.867.041
Công ty Cổ phần Bê tông Vinaconex Phan Vũ		1.364.220.000
Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Bắc	239.222.508	239.222.508
Trung tâm Quan trắc Môi trường	68.000.000	68.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư Công trình Hàng Hải Việt Nam	77.349.000	
Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu	44.576.800	
Các nhà cung cấp khác	3.227.833	101.424.533
Cộng	432.376.141	1.772.867.041

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	45.705.848		-	
Các khoản chi hộ	45.705.848			
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.758.430.496		1.509.465.572	
Doanh thu tạm tính chưa xuất hóa đơn			1.142.993.034	
Tiền lãi dự thu	305.549.133		243.251.354	
Ký cược, ký quỹ	1.131.470.005		102.705.000	
Tạm ứng	241.428.365			
Phải thu ngắn hạn khác	79.982.993		20.516.184	
Cộng	1.804.136.344		1.509.465.572	

5b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-		-	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	3.352.571.143		3.336.908.123	
Ký cược, ký quỹ	3.352.571.143		3.336.908.123	
Cộng	3.352.571.143		3.336.908.123	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>						
<i>Các tổ chức khác</i>	-	532.738.612	110.371.500	-	448.153.612	141.660.000
Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh – phải thu cung cấp dịch vụ	3 năm	65.089.486		3 năm	65.089.486	
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia – phải thu cung cấp dịch vụ	3 năm	99.744.126		3 năm	99.744.126	
Công ty CP Bạch Đằng 5 - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ				Từ 1 đến dưới 2 năm	4.840.000	2.420.000
Công ty TNHH K.N.V - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	2 năm	367.905.000	110.371.500	Từ 1 đến dưới 2 năm	278.480.000	139.240.000
Cộng		532.738.612	110.371.500		448.153.612	141.660.000

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	306.493.612	115.383.528
Trích lập dự phòng bổ sung	157.533.500	630.376.084
Hoàn nhập dự phòng	(41.660.000)	(439.266.000)
Số cuối năm	422.367.112	306.493.612

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	26.848.458.406		27.897.464.193	
Công cụ, dụng cụ	54.321.820		273.852.000	
Cộng	26.902.780.226		28.171.316.193	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	885.475.346	794.857.901
Công cụ dụng cụ	122.737.875	47.027.348
Chi phí sửa chữa tài sản	853.058.215	
Phí đường bộ	121.550.000	
Cộng	<u>1.982.821.436</u>	<u>841.885.249</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa thiết bị	9.878.315.492	2.772.921.687
Chi phí lên đà tàu Hải An Park	3.470.033.616	6.940.067.232
Chi phí lên đà tàu Hải An Time	6.713.990.187	
Chi phí lên đà tàu Hải An Song	11.661.877.291	
Công cụ dụng cụ	1.617.862.945	170.443.187
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	16.556.255
Cộng	<u>33.342.079.531</u>	<u>9.899.988.361</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	199.103.152.320	257.946.937.918	321.330.858.718	1.528.558.211	63.636.364	779.973.143.531
Mua trong năm		18.236.821.259	10.599.062.969	249.884.951	77.500.000	29.163.269.179
Tăng do hợp nhất kinh doanh			(237.717.307)			(237.717.307)
Số cuối năm	199.103.152.320	276.183.759.177	331.692.204.380	1.778.443.162	141.136.364	808.898.695.403
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	457.605.455	679.699.675		1.486.921.847	63.636.364	2.687.863.341
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	68.038.329.282	92.990.257.745	30.829.586.166	1.248.123.985	53.714.562	193.160.011.740
Khấu hao trong năm	12.879.082.788	29.882.040.334	33.128.808.255	142.016.832	10.755.135	76.042.703.344
Thanh lý, nhượng bán			(215.077.566)			(215.077.566)
Số cuối năm	80.917.412.070	122.872.298.079	63.743.316.855	1.390.140.817	64.469.697	268.987.637.518
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	131.064.823.038	164.956.680.173	290.501.272.552	280.434.226	9.921.802	586.813.131.791
Số cuối năm	118.185.740.250	153.311.461.098	267.948.887.525	388.302.345	76.666.667	539.911.057.885
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 494.404.503.655 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.945.015.236	906.954.649	5.851.969.885
Mua trong năm		1.064.708.000	1.064.708.000
Thanh lý, nhượng bán			-
Số cuối năm	4.945.015.236	1.971.662.649	6.916.677.885
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.685.073.405	831.375.105	2.516.448.510
Khấu hao trong năm	141.286.152	327.026.189	468.312.341
Thanh lý, nhượng bán			-
Số cuối năm	1.826.359.557	1.158.401.294	2.984.760.851
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.259.941.831	75.579.544	3.335.521.375
Số cuối năm	3.118.655.679	813.261.355	3.931.917.034
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	14.342.419.855	32.822.971.141	(25.386.463.230)		21.778.927.766
Xây dựng cơ bản dở dang	4.798.452.913	1.934.702.900	(4.797.059.404)	(553.045.500)	1.383.050.909
Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.750.897.127	30.353.616.152		(33.104.513.279)	-
Cộng	21.891.769.895	65.111.290.193	(30.183.522.634)	(33.657.558.779)	23.161.978.675

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	11.270.398.656	3.948.811.587
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	300.644.036	227.554.205
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	3.162.792.821	2.100.971.211
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	-	29.700.000
Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon	335.114.000	1.760.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	5.761.161.339	
Công ty Cổ phần MHC	-	199.141.671
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải và Dịch vụ hàng hải Hải Phòng	1.270.686.460	1.389.684.500

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	440.000.000	
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	46.387.489.383	40.560.663.585
Công ty Liên doanh Phát triển tiếp vận số 1	9.750.250.908	8.357.137.092
South Horizons International Petroleum (S) Pte Ltd	7.995.319.387	7.634.737.981
Các nhà cung cấp khác	28.641.919.088	24.568.788.512
Cộng	<u>57.657.888.039</u>	<u>44.509.475.172</u>

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	26.900.000
Công ty Cổ phần Hải Minh	-	26.900.000
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	632.941.465	356.706.600
Công ty TNHH T29	-	93.417.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Sài Gòn	-	77.300.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Vsico	91.120.000	
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Châu Á Thái Bình Dương	102.645.000	
A.P.Moller-Maersk A/S	330.983.065	
Các khách hàng khác	108.193.400	185.989.600
Cộng	<u>632.941.465</u>	<u>383.606.600</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	13.042.208.781	(10.131.499.549)	2.910.709.232	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.210.094.737	(1.210.094.737)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.155.400	151.689.024	(151.689.024)	-	3.155.400
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.462.283.751	-	23.413.306.954	(26.405.051.785)	10.620.538.920	150.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	1.272.926.512	-	4.021.225.773	(3.504.159.004)	1.789.993.281	-
Tiền thuê đất	120.793.027	-	1.239.771.564	(380.985.291)	979.579.300	-
Các loại thuế khác	-	-	10.000.000	(10.000.000)	-	-
Cộng	<u>14.856.003.290</u>	<u>3.155.400</u>	<u>43.088.296.833</u>	<u>(41.793.479.390)</u>	<u>16.300.820.733</u>	<u>153.155.400</u>

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2011 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 22%).

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	148.662.859.613	182.492.353.735
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	9.386.690.302	1.454.394.988
- Lãi lỗ công ty liên kết	1.843.769.338	(3.612.276.309)
- Lỗ tại công ty con	6.241.221.418	
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.307.607.062	5.066.671.297
- Các khoản điều chỉnh giảm	(5.907.516)	-
Thu nhập chịu thuế	158.049.549.915	183.946.748.723
Thu nhập được miễn thuế	(10.195.000.000)	(4.345.000.000)
Lỗ các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	147.854.549.915	179.601.748.723
Trong đó:		
- Hoạt động khai thác cảng	108.797.541.396	146.017.313.867
- Hoạt động khai thác tàu	38.916.998.790	33.584.434.856
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>29.570.909.982</i>	<i>39.512.384.719</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	<i>(9.921.602.622)</i>	<i>(17.061.731.949)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	<i>(4.960.801.311)</i>	<i>(7.109.054.979)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	<i>14.688.506.049</i>	<i>15.341.597.791</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>142.768.034</i>	<i>191.960.932</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	14.831.274.083	15.533.558.723
Thuế TNDN phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	8.582.032.871	6.970.002.703
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	23.413.306.954	22.503.561.426

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	342.472.664	386.506.838
Chi phí lãi vay phải trả	214.093.664	386.506.838
Chi phí xếp dỡ tàu	128.379.000	
Cộng	<u>342.472.664</u>	<u>386.506.838</u>

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan về lãi hợp tác kinh doanh</i>	34.141.644.742	24.180.552.772
Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon	12.402.714.194	8.313.405.995
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	9.303.663.302	6.236.149.932
Công ty Cổ phần MHC	3.769.643.838	3.555.106.308
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	5.462.402.733	3.972.922.696
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs	3.203.220.675	2.102.967.841
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	543.113.874	631.361.526
Kinh phí công đoàn	52.641.500	55.575.102
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	5.031.724	283.277.291
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	319.200.000	268.800.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	166.240.650	23.709.133
Cộng	<u>34.684.758.616</u>	<u>24.811.914.298</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan về vốn hợp tác kinh doanh</i>	<i>90.604.520.000</i>	<i>90.604.520.000</i>
Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon	32.915.900.000	32.915.900.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	24.688.620.000	24.688.620.000
Công ty Cổ phần MHC	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	14.500.000.000	14.500.000.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Macs	8.500.000.000	8.500.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Cộng	<u>90.604.520.000</u>	<u>90.604.520.000</u>

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

17a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>542.320.325</i>	<i>1.742.320.325</i>
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (i)	542.320.325	1.742.320.325
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>51.142.425.240</i>	<i>46.629.880.069</i>
Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	12.672.186.740	12.510.540.270
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	27.321.636.000	25.506.264.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	7.190.526.460	7.117.894.879
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1	3.958.076.040	1.495.180.920
Cộng	<u>51.684.745.565</u>	<u>48.372.200.394</u>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải theo hợp đồng số 01/HĐ ngày 05/1/2008 của Công ty Cổ phần Đóng tàu Hải An để phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo lãi suất cho vay của ngân hàng tại từng thời điểm, thời hạn vay 01 năm. Sau khi sáp nhập Công ty Cổ phần Đóng tàu Hải An, Công ty kế thừa lại khoản vay này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HÀ AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Tăng khác do CLTG	Số tiền vay đã trả trong năm	Giảm khác do CLTG	Số cuối năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	1.742.320.325		-	-	(1.200.000.000)	-	542.320.325
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải ⁽ⁱ⁾	1.742.320.325				(1.200.000.000)		542.320.325
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	46.629.880.069		50.610.754.318	953.581.396	(46.708.924.836)	(342.865.707)	51.142.425.240
Vay dài hạn đến hạn trả	46.629.880.069		50.610.754.318	953.581.396	(46.708.924.836)	(342.865.707)	51.142.425.240
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	12.510.540.270		12.417.201.160	255.559.300	(12.416.631.900)	(94.482.090)	12.672.186.740
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng	25.506.264.000		27.215.148.000	522.708.000	(25.736.670.000)	(185.814.000)	27.321.636.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	7.117.894.879		7.054.894.878	139.421.056	(7.069.815.931)	(51.868.422)	7.190.526.460
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1	1.495.180.920		3.923.510.280	35.893.040	(1.485.807.005)	(10.701.195)	3.958.076.040
Cộng	48.372.200.394		50.610.754.318	953.581.396	(47.908.924.836)	(342.865.707)	51.684.745.565

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>108.841.311.351</i>	<i>142.329.119.846</i>
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội Sở chính ⁽ⁱ⁾	19.008.439.740	31.258.939.150
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng ⁽ⁱⁱ⁾	61.131.916.590	83.735.513.960
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội ⁽ⁱⁱⁱ⁾	14.381.052.236	21.353.683.961
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 ^(iv)	14.319.902.785	5.980.982.775
Cộng	108.841.311.351	142.329.119.846

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

(i) Vay ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo Hợp đồng tín dụng số 0034.2014/HDDTD1/BVB-TTKD ngày 20/3/2014; số tiền 2.500.000 USD; mục đích bổ sung vốn mua tàu Container; thời hạn vay 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng. Định kỳ điều chỉnh lãi suất 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, 4 xe nâng hàng, 2 cần trục loại chân đế kiểu quay, tài sản trên đất là các công trình xây dựng thuộc dự án kinh doanh cảng Container Hải An.

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA02/2014/VCB-HA ngày 11/4/2014, số tiền vay: 2.000.000 USD, mục đích vay để mua 01 cần trục chân đế Kirow Ardelt GMBH, thời hạn vay 54 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng, khoản vay được bảo đảm bằng tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có hệ thống 01 cần trục chân đế Kirow Ardelt GMBH.

Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA/2014/VCB-HA ngày 20/01/2014, số tiền vay: 442.000 USD, mục đích thanh toán tiền mua 2 xe nâng PPM Terex, thời gian ân hạn: 6 tháng, thời gian trả nợ gốc 54 tháng theo lịch trả nợ kèm theo Hợp đồng, lãi suất 3 tháng điều chỉnh 1 lần, khoản vay được bảo đảm bởi tài sản đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là hệ thống 02 xe nâng PPM Terex.

Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, theo hợp đồng tín dụng số 2015/DA/HĐTD/VCB-HA ngày 22/9/2015, số tiền vay: 3.000.000 USD, mục đích vay để thanh toán chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) để thực hiện Dự án do bên vay làm chủ đầu tư, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn nợ gốc là 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ là 57 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng một lần. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là Tàu Container HAIAN TIME của Dự án.

Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, theo hợp đồng tín dụng số 20156/DA/HĐTD/VCB-HA ngày 06/9/2016, số tiền vay tối đa 9.000.000.000 VND nhưng không vượt quá 70% tổng mức đầu tư tài sản cố định (bao gồm VAT) hoặc 78% tổng mức đầu tư tài sản cố định (không bao gồm VAT), mục đích vay để tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư tài sản cố định bao gồm lãi nhập gốc; thanh toán bù đắp chi phí đầu tư hợp pháp, hợp lý, hợp lệ mà đã thanh toán vượt phần vốn tự có phải góp theo quy định đầu tư đối với Dự án; để thực hiện Dự án "Đầu tư hệ thống 10 xe chở Container (gồm 10 xe đầu kéo và 10 somi Romooc, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, không ân hạn, thời

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hạn trả nợ là 16 kỳ (mỗi kỳ 3 tháng) kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp tài sản bằng toàn bộ tài sản hình thành sau Đầu tư của dự án là 10 xe đầu kéo và 10 somi Romooc.

(iii) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng doanh nghiệp số 25-10.14/HĐTD/TPB.HTH ngày 16/10/2014, số tiền vay: 1.500.000 USD, mục đích mua con tàu CAPE SANTIAGO, thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất áp dụng tại thời điểm nhận nợ, điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần. Khoản vay được bảo đảm bằng Quyền mua bán tàu CAPE SANTIAGO.

(iv) Vay ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch 1 theo hợp đồng cấp tín dụng số 66755.15.002.2486868.TD ngày 25/10/2015, số tiền vay: 309.400 EURO, mục đích vay thanh toán LC nhập khẩu 2 máy nâng container trục xoay, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay xác định bằng lãi suất tiết kiệm dân cư USD kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ 2%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng máy móc thiết bị gồm: 01 máy container trục xoay model: TEREX TFC45R, xuất xứ Pháp Series number: 175467, Sản xuất : 2009, nặng 45.000 kg và 01 máy container trục xoay model: DRF420 - 60S, xuất xứ Pháp Series number: A11300405, Sản xuất : 2010, nặng 42.000 kg.

Vay ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch 1 theo hợp đồng cấp tín dụng số 88928.16.002.2486868.TD ngày 07/12/2015, số tiền vay: 536,55 USD, mục đích vay bổ sung nhu cầu vốn trung hạn để khách hàng nhập container theo hợp đồng ngoại thương số XPCL/Haian 2016-001 ngày 31/10/2016 ký với Xiamen Pacific Container Manufacturing Co.,Ltd, thời hạn vay tối đa 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay trong hạn theo lãi suất cố định hoặc thả nổi được quy định tại văn bản nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng 300 Container 20 feet và 100 container 40 feet theo hợp đồng ngoại thương số XPCL/Haian 2016-001 ngày 31/10/2016 ký với Xiamen Pacific Container Manufacturing Co.,Ltd

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối năm				
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính	31.680.626.480	12.672.186.740	19.008.439.740	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng	88.453.552.590	27.321.636.000	61.131.916.590	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội	21.571.578.696	7.190.526.460	14.381.052.236	
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1	18.277.978.825	3.958.076.040	14.319.902.785	
Cộng	159.983.736.591	51.142.425.240	108.841.311.351	-
Số đầu năm				
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính	43.769.479.420	12.510.540.270	31.258.939.150	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng	109.241.777.960	25.506.264.000	83.735.513.960	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội	28.471.578.840	7.117.894.879	21.353.683.961	
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1	7.476.163.695	1.495.180.920	5.980.982.775	
Cộng	188.958.999.915	46.629.880.069	142.329.119.846	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Tăng khác do CLTG	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Tăng khác do CLTG	Số cuối năm
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính	31.258.939.150		402.775.480		(12.417.201.160)	(236.073.730)	19.008.439.740
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng	83.735.513.960	4.500.000.000	1.207.880.910	(282.000.000)	(27.215.148.000)	(814.330.280)	61.131.916.590
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội	21.353.683.961		288.315.782		(7.054.894.878)	(206.052.629)	14.381.052.236
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1	5.980.982.775	12.201.147.000	118.026.982		(3.923.510.280)	(56.743.692)	14.319.902.785
Cộng	142.329.119.846	16.701.147.000	2.016.999.154	(282.000.000)	(50.610.754.318)	(1.313.200.331)	108.841.311.351

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến tiền bồi thường hàng hỏng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	2.648.342.710
Tăng do trích lập	
Số sử dụng	
Số cuối năm	2.648.342.710

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	5.674.613.213	6.534.000.000	(2.885.070.000)	9.323.543.213
Quỹ Hội đồng quản trị	5.447.344.434	4.901.000.000	(4.130.000.000)	6.218.344.434
Cộng	11.121.957.647	11.435.000.000	(7.015.070.000)	15.541.887.647

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	231.962.320.000	58.788.380.922	(2.571.030.000)	45.931.070.809	100.252.250.167		434.362.991.898
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	166.965.531.053	(6.736.041)	166.958.795.012
Trích lập các quỹ	-	-	-	36.791.000.000	(45.375.000.000)	-	(8.584.000.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(68.817.387.000)	-	(68.817.387.000)
Chia lợi nhuận hoạt động BCC năm 2014	-	-	-	-	(3.648.587.390)	-	(3.648.587.390)
Số dư cuối năm trước	231.962.320.000	58.788.380.922	(2.571.030.000)	82.722.070.809	149.376.806.830	(6.736.041)	520.271.812.520
Số dư đầu năm nay	231.962.320.000	58.788.380.922	(2.571.030.000)	82.722.070.809	149.376.806.830	(6.736.041)	520.271.812.520
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(7.788.034.178)	-	-		(7.788.034.178)
Góp vốn trong năm						8.395.480.000	8.395.480.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	133.777.580.323	54.005.207	133.831.585.530
Trích lập các quỹ	-	-	-	49.008.000.000	(60.443.000.000)	-	(11.435.000.000)
Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	-	(22.939.129.000)	-	(22.939.129.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2016	-	-	-	-	(45.878.258.000)	-	(45.878.258.000)
Số dư cuối năm nay	231.962.320.000	58.788.380.922	(10.359.064.178)	131.730.070.809	153.894.000.153	8.442.749.166	574.458.456.872

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.196.232	23.196.232
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	23.196.232	23.196.232
- Cổ phiếu phổ thông	23.196.232	23.196.232
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	456.103	257.103
- Cổ phiếu phổ thông	456.103	257.103
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.740.129	22.939.129
- Cổ phiếu phổ thông	22.740.129	22.939.129
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2105 số 0404-2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2016 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 49.008.000.000
• Trích quỹ HDQT	: 4.901.000.000
• Trích quỹ khen thưởng	: 6.534.000.000

Ngoài ra, Công ty cũng tạm ứng cổ tức năm 2016 cho các cổ đông với số tiền 45.878.258.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0610-2016/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 10 năm 2016.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	939.033,31	804.148,89
Euro (EUR)	334,17	46,02

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	242.664.424.586	350.312.068.229
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	242.983.406.876	171.647.062.189
Doanh thu bán hàng	1.933.674.896	2.879.577.652
Cộng	487.581.506.358	524.838.708.070

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hàng hải Macs		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	2.470.818.170	6.016.181.814
Phí cho thuê kho CFS	1.348.074.458	1.284.897.276
Doanh thu xếp dỡ, nâng hạ	268.434.818	
Bán dầu Diezen	98.102.927	125.737.650
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng hải Macs tại Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	92.727.273	190.636.362
Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	7.677.545.419	9.608.363.623
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon tại Hà Nội		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	640.002.500	808.565.000
Doanh thu xếp dỡ, nâng hạ	128.079.000	
Doanh thu về hoạt động khai thác cảng khác	2.351.509	
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải		
Doanh thu về cung cấp dịch vụ	-	1.681.818.182
Công ty Cổ phần Hải Minh		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	2.351.909.099	6.333.272.724
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	320.046.160	2.956.238.002
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng	122.912.413	508.912.979
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	1.723.636.375	558.252.485
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng	2.266.242.669	22.507.347.241
Công ty cổ phần Hàng hải Nam Dương		
Doanh thu về bán nước	7.936.500	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động khai thác cảng	126.143.706.685	164.858.044.645
Giá vốn hoạt động khai thác tàu	192.902.448.356	137.136.453.107
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.803.664.032	2.731.706.108
Cộng	<u>320.849.819.073</u>	<u>304.726.203.860</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.004.707.464	3.875.465.508
Lãi tiền cho vay	811.380.558	984.854.239
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.195.000.000	4.345.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.475.361.285	1.540.046.005
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	607.905.328	254.252.733
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	2.221.264.000
Cộng	<u>21.094.354.635</u>	<u>13.220.882.485</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	3.873.469.703	4.354.678.671
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	725.418.828	359.354.354
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.350.909.716	7.892.178.002
Cộng	<u>5.949.798.247</u>	<u>12.606.211.027</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	12.949.978.092	18.327.225.939
Chi phí vật liệu quản lý	1.377.445.231	1.196.904.976
Chi phí đồ dùng văn phòng	951.091.744	609.054.369
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.810.463.945	1.147.840.430
Thuế, phí và lệ phí	82.874.000	25.001.086
Dự phòng phải thu khó đòi	115.873.500	191.110.084
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.133.356.806	4.252.436.143
Các chi phí khác	10.950.801.352	8.452.001.933
Cộng	<u>32.371.884.670</u>	<u>34.201.574.960</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	9.178.441	-
Tiền bồi thường	1.041.159.877	268.968.606
Thu nhập khác	26.986.950	45.756.832
Cộng	<u>1.077.325.268</u>	<u>314.725.438</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	3.641.730.748
Chi phí dự án cầu tàu 2	-	1.429.469.908
Bồi thường cho khách hàng	29.190.000	2.683.377.093
Thuế GTGT không được khấu trừ	-	100.791.991
Thuế bị phạt, bị truy thu	36.454.303	49.657.270
Chi phí hỗ trợ, ủng hộ bên ngoài	7.500.000	19.300.000
Chi phí khác	1.911.017	35.921.710
Cộng	<u>75.055.320</u>	<u>7.960.248.720</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	133.777.580.323	166.965.531.053
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(8.000.000.000)	(8.584.000.000)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	125.777.580.323	158.381.531.053
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	22.955.712	22.939.129
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>5.479</u>	<u>6.904</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty đã góp vốn đầu tư 7.500.000.000 VND vào Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An bằng lợi nhuận chưa phân phối.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

HA AN
CHI
CỔ
CHÍNH
M T O
A
TẠI
V G E

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan và chỉ phát sinh giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	306.000.000	306.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	3.019.307.911	3.019.307.911
Phụ cấp	216.000.000	216.000.000
Cộng	<u>3.235.307.911</u>	<u>3.235.307.911</u>

Ib. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs	Cổ đông, thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Hải Minh	Cổ đông, thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	Thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương	Thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs</i>		
Trả cổ tức	3.093.750.000	3.093.750.000
Nhận góp vốn liên doanh		3.500.000.000
Tiền điện	17.572.080	16.635.240
Phí bảo vệ, phí thuê văn phòng	80.954.873	128.005.209
Sử dụng dịch vụ nâng hạ, vận chuyển container		231.039.150
<i>Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon</i>		
Chia lợi nhuận tàu HAIAN PARK năm 2014		1.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức	15.945.410.000	16.968.750.000
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu	525.767.275	22.627.269
Nhận góp vốn liên doanh		12.915.900.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex-Sai Gon tại Hà Nội		
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu		363.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Cho vay	6.000.000.000	10.000.000.000
Thu tiền cho vay	6.000.000.000	10.000.000.000
Trả cổ tức	6.090.000.000	6.090.000.000
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu	1.282.280.000	877.170.000
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng	1.195.772.188	793.936.436
Tiền lãi vay	9.166.667	
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải		
Trả gốc vay	1.200.000.000	800.000.000
Bù trừ công nợ thanh toán gốc tiền vay		1.850.000.000
Trả cổ tức	3.781.203.000	4.381.203.000
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu	32.581.500	375.622.584
Công ty Cổ phần Hải Minh		
Trả cổ tức	1.260.000.000	1.650.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		
Trả cổ tức	600.660.000	200.220.000
Chia lợi nhuận tàu HAIAN PARK năm 2014		1.500.000.000
Phải trả tiền vận chuyển		16.981.471
Nhận tiền chia lãi		750.000.000
Chi nhánh công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng		
Cước vận chuyển		155.500.000
Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương		
Trả cổ tức	2.600.640.000	866.880.000
Cước vận chuyển xe nâng		10.000.000
Công nợ với các bên liên quan khác		
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.12, V.13, V.16 và V.17.		

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	242.664.424.586	242.983.406.876	1.933.674.896	487.581.506.358
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	242.664.424.586	242.983.406.876	1.933.674.896	487.581.506.358
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	116.520.717.901	50.080.958.520	130.010.864	166.731.687.285
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(32.371.884.670)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				134.359.802.615
Doanh thu hoạt động tài chính				21.094.354.635
Chi phí tài chính				(5.949.798.247)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				(1.843.769.338)
Thu nhập khác				1.077.325.268
Chi phí khác				(75.055.320)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(14.831.274.083)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				133.831.585.530
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	44.193.349.935	33.283.402.149		77.476.752.084
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	48.213.315.289	40.345.693.371		88.559.008.660
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	350.312.068.229	171.647.062.189	2.879.577.652	524.838.708.070
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	350.312.068.229	171.647.062.189	2.879.577.652	524.838.708.070
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	185.454.023.584	34.510.609.082	147.871.544	220.112.504.210
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(34.201.574.960)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				185.910.929.250
Doanh thu hoạt động tài chính				13.220.882.485
Chi phí tài chính				(12.606.211.027)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				3.612.276.309
Thu nhập khác				314.725.438

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khác	Cộng
Chi phí khác				(7.960.248.720)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(15.533.558.723)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				166.958.795.012
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	39.259.024.414	144.166.453.560		183.425.477.974
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	44.642.880.838	23.860.672.441		68.503.553.279

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	364.071.094.607	344.722.295.401		708.793.390.008
Tài sản phân bổ cho bộ phận				-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				257.526.269.634
Tổng tài sản				966.319.659.642
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	30.502.940.559	313.945.697.141		344.448.637.700
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				47.412.565.070
Tổng nợ phải trả				391.861.202.770
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	382.967.279.501	333.093.558.004		716.060.837.505
Tài sản phân bổ cho bộ phận				-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				204.815.882.796
Tổng tài sản				920.876.720.301
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	69.227.942.632	284.817.743.226		354.045.685.858
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				46.559.221.923
Tổng nợ phải trả				400.604.907.781

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	221.639.040.386				221.639.040.386
Phải thu khách hàng	79.018.007.580			532.738.612	79.550.746.192
Các khoản phải thu khác	3.427.279.122				3.427.279.122
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.000.866.500				5.000.866.500
Cộng	309.085.193.588			532.738.612	309.617.932.200
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	157.637.362.387				157.637.362.387
Phải thu khách hàng	63.192.697.600			448.153.612	63.640.851.212
Các khoản phải thu khác	4.846.373.695				4.846.373.695
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.000.866.500				5.000.866.500
Cộng	230.677.300.182			448.153.612	231.125.453.794

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	57.657.888.039			57.657.888.039
Vay và nợ	51.684.745.565	108.841.311.351		160.526.056.916
Chi phí phải trả	342.472.664			342.472.664
Các khoản phải trả khác	34.307.885.392	90.604.520.000		124.912.405.392
Cộng	143.992.991.660	199.445.831.351	-	343.438.823.011
Số đầu năm				
Phải trả người bán	44.509.475.172			44.509.475.172
Vay và nợ	48.372.200.394	142.329.119.846		190.701.320.240
Chi phí phải trả	386.506.838			386.506.838
Các khoản phải trả khác	24.180.552.772	90.604.520.000		114.785.072.772
Cộng	117.448.735.176	232.933.639.846	-	350.382.375.022

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu tài sản, mua nguyên vật liệu với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	USD	EUR	JPY	USD	EUR	JPY
Tiền và các khoản tương đương tiền	939.033,31	334,17		804.148,89	46,02	
Phải thu khách hàng	1.155.730,49			1.452.394,60		
Vay và nợ	(6.835.251,91)			(8.386.009,39)		
Phải trả người bán	(498.178,03)		(1.431.100,00)	(465.408,57)		(4.277.654,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(5.238.666,14)	334,17	(1.431.100,00)	(6.594.874,47)	46,02	(4.277.654,00)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	171.525.651.630	939.033,31	115.595.835.616	804.148,89
Vay và nợ		(6.835.251,91)		(8.386.009,39)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	171.525.651.630	(5.896.218,60)	115.595.835.616	(7.581.860,50)

Tập đoàn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

0815-01
CHI NHÁNH
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
TOÁN VÀ
A & C
TẠI HÀ N
ĐA - T

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	221.639.040.386		157.637.362.387	
Phải thu khách hàng	79.550.746.192	(422.367.112)	63.640.851.212	(306.493.612)
Các khoản phải thu khác	3.427.279.122		4.846.373.695	
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.000.866.500		5.000.866.500	
Cộng	309.617.932.200	(422.367.112)	231.125.453.794	(306.493.612)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	57.657.888.039	44.509.475.172
Vay và nợ	160.526.056.916	190.701.320.240
Chi phí phải trả	342.472.664	386.506.838
Các khoản phải trả khác	124.912.405.392	114.785.072.772
Cộng	343.438.823.011	350.382.375.022

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 08 tháng 02 năm 2017

Trần Thị Thanh Hào
Người lập biểu

Phạm Thị Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Tạ Mạnh Cường
Tổng Giám đốc